

PHÁT TRIỂN CÁC MỐI QUAN HỆ TỐT ĐẸP VỚI THẦY CÔ VÀ CÁC BẠN

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 1

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè. 2. Tìm hiểu về cách hợp tác với mọi người trong hoạt động chung.
1 – 2	2, 3, 4, 5, 6 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/Rèn luyện – Vận dụng	3. Thể hiện cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô. 4. Thể hiện lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội. 5. Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. 6. Đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể. 7. Thể hiện kỹ năng giải quyết mâu thuẫn và nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè. 8. Thực hiện các hoạt động phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn trong nhà trường.
3	7 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	9. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 10. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
3	8, 9 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Triển lãm sản phẩm về phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn. — Diễn đàn “Văn hoá nhà trường hướng tới trường học hạnh phúc”. — Toạ đàm về xây dựng “Trường học hạnh phúc – Thầy cô hạnh phúc – HS hạnh phúc”.

			– Diễn đàn “Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường”.
			– ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng được các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.
- Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.
- Hợp tác được với mọi người trong hoạt động và biết giải quyết mâu thuẫn trong các quan hệ bạn bè.
- Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể.
- Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác với thầy cô và bạn bè trong các hoạt động ở trường; Năng lực tự chủ qua việc thể hiện lập trường, quan điểm cá nhân về một số dư luận xã hội liên quan đến quan hệ bạn bè trên mạng xã hội; Năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc đề xuất cách ứng xử phù hợp để giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè; để nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường; qua việc lập và thực hiện kế hoạch hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phẩm chất: Có trách nhiệm trong việc phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn; trong việc thể hiện quan điểm, lập trường của bản thân; trong việc thực hiện các hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Chia sẻ kinh nghiệm và thảo luận xác định cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè.	– GV yêu cầu HS suy nghĩ và chia sẻ trước lớp về cách các em đã thực hiện để nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè. – GV tổ chức cho HS dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận theo nhóm và báo cáo trước lớp về:	– Cách nuôi dưỡng, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô (SGV). – Cách mở rộng mối quan hệ với thầy cô (SGV).

	+ Cách nuôi dưỡng, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô; + Cách nuôi dưỡng, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè; + Cách mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô; + Cách mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè. – GV khái quát, bổ sung và kết luận.	– Cách nuôi dưỡng, giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè (SGV). – Cách mở rộng mối quan hệ với bạn bè (SGV).
2. Chia sẻ kinh nghiệm và thảo luận xác định những cách hợp tác hiệu quả trong hoạt động chung.	– GV chia nhóm và yêu cầu HS chia sẻ những kinh nghiệm và dựa vào gợi ý trong SGK để thảo luận xác định cách hợp tác hiệu quả trong hoạt động chung. – GV yêu cầu đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về cách hợp tác hiệu quả trong hoạt động chung.	Cách hợp tác với mọi người trong các hoạt động chung (SGV).

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
3. Thảo luận đề xuất cách ứng xử thể hiện cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô trong các tình huống.	– Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm xác định cách giải quyết các tình huống trong SGK. – Đại diện các nhóm chia sẻ cách giải quyết trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý và chốt lại cách giải quyết phù hợp nhất.	Các cách giải quyết phù hợp trong từng tình huống (SGV).
4. Thể hiện lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội và chia sẻ bài học kinh nghiệm về các mối quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.	– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm ủng hộ và phản đối chuẩn bị quan điểm để tranh biện về dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội. – Hai nhóm tiến hành tranh biện với nhau dựa trên các luận điểm, lí lẽ, minh chứng đã chuẩn bị. – GV cùng HS nhận xét, phân tích kết quả tranh biện của hai nhóm. – GV yêu cầu HS chia sẻ bài học kinh nghiệm của bản thân về các mối quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.	– HS thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp đối với dư luận xã hội nào đó nói về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội. – HS chia sẻ được những bài học kinh nghiệm về các mối quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.

5. Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	– GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu mỗi nhóm đề xuất ý tưởng và quyết định lựa chọn một hoạt động phù hợp để xây dựng truyền thống nhà trường hoặc các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (tham khảo ví dụ trong SGK). – Yêu cầu các nhóm HS dựa vào gợi ý trong SGK hợp tác thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã lập. Đồng thời tiến hành tổng kết, đánh giá và viết báo cáo kết quả hoạt động (tham khảo ví dụ trong SGK). – GV nhận xét về kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của các nhóm.	Kỹ năng hợp tác và kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường hoặc các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
6. Đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể.	– Yêu cầu HS dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận theo nhóm đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ đối với cá nhân, tập thể và báo cáo kết quả. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ. – HS tiếp tục dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận, đánh giá ý nghĩa của hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về ý nghĩa của hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường. – GV khuyến khích HS chia sẻ ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với bản thân.	– Ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ đối với cá nhân và tập thể (SGV). – Ý nghĩa của hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể (SGV).
7. Thể hiện kỹ năng giải quyết mâu thuẫn và nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè.	– GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận xác định cách giải quyết mâu thuẫn và nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng quan hệ tốt đẹp với các bạn, sau đó phân công sắm vai thể hiện những kỹ năng này trong từng tình huống. – Đại diện các nhóm sắm vai thể hiện cách giải quyết trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý và chốt lại cách giải quyết phù hợp nhất.	Các cách giải quyết phù hợp trong từng tình huống (SGV).

Vận dụng		
8. Thực hiện các hoạt động phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn trong nhà trường.	Yêu cầu HS về nhà: – Xây dựng kế hoạch để tham gia các hoạt động phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn. – Thực hiện kế hoạch. – Ghi lại kết quả vận dụng, lưu lại sản phẩm vận dụng.	Những hoạt động HS tham gia để phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả vận dụng.	HS trình bày sản phẩm, chia sẻ cảm xúc, bài học kinh nghiệm,... xây dựng và thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn.	Những mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè được mở rộng, duy trì, phát triển qua các hoạt động.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (2 tiết)

DIỄN ĐÀN “NHỮNG KỈ NIỆM SÂU SẮC VỀ THẦY CÔ VÀ MÃI TRƯỜNG”

(Ví dụ minh họa)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/sản phẩm
Mục tiêu: HS có cơ hội thể hiện tình cảm tốt đẹp với thầy cô; ghi nhận, tôn vinh	GV chuẩn bị: – Thành lập Ban tổ chức diễn đàn gồm: Đại diện BGH nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản	GV và HS trong toàn trường trải nghiệm những kỉ niệm và tình

những việc làm tích cực; lan toả những tình cảm tốt đẹp của HS, PHHS đối với thầy cô và nhà trường. <i>Nội dung:</i> Những kỉ niệm đáng nhớ của HS đối với thầy cô và nhà trường. <i>Đối tượng tham gia:</i> Tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	Hồ Chí Minh, GV, Đại diện PHHS, đại diện HS các khối lớp. — Xây dựng kế hoạch tổ chức diễn đàn: mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia,... — Gửi thông báo tổ chức diễn đàn đến HS các lớp khối 10, 11, 12, trong đó cần nêu rõ: mục tiêu, nội dung, đối tượng, địa điểm tổ chức, thời gian tổ chức diễn đàn. — Gửi giấy mời đến Ban Đại diện PHHS. — Lựa chọn, trang trí địa điểm tổ chức diễn đàn. — Tiếp nhận đăng kí tham luận của HS. — Cử một HS làm NDCT. <i>HS chuẩn bị:</i> — Chuẩn bị tham luận, ý kiến về chủ đề “Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường”, cụ thể như sau: + Những ấn tượng sâu sắc về thầy, cô giáo mà em yêu quý, ngưỡng mộ hoặc những tác động, ảnh hưởng đặc biệt của thầy, cô giáo tới việc học tập, nhận thức, làm thay đổi cuộc sống của cá nhân em hoặc bạn bè, người thân. + Những kỉ niệm, những ấn tượng, tình cảm gắn bó sâu sắc đối với ngôi trường mà em, bạn bè hoặc người thân của em đã và đang theo học. — Chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ về chủ đề. <i>Tiến trình tổ chức:</i> — NDCT giới thiệu khách mời, đại diện nhà trường. — Trình diễn các tiết mục văn nghệ. — Trường ban tổ chức phát biểu khai mạc diễn đàn (trong đó nêu mục đích, nội dung,...). — Theo giới thiệu của NDCT, HS lần lượt trình bày các bản tham luận. — Sau mỗi tham luận, NDCT có thể mời những người tham dự phát biểu ý kiến, bình luận, nhận xét hoặc nêu câu hỏi cho diễn giả.	cảm quý báu của HS với nhà trường, thầy cô, cùng cố thêm truyền thống nhà trường.
---	--	--

	— Kết thúc diễn đàn, Trưởng ban tổ chức lên tổng kết các nội dung chính và đưa ra thông điệp chung. — HS chia sẻ cảm xúc, thu hoạch của mình sau khi tham dự diễn đàn. <i>Đánh giá, rút kinh nghiệm sau diễn đàn:</i> — Phỏng vấn HS về những điều mà các em thu hoạch được sau khi nghe các báo cáo. — Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để lần sau tổ chức thành công hơn.	
--	--	--

CHỦ ĐỀ 2

(11 tiết)

TÔI TRƯỞNG THÀNH

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 2

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1, 2, 3 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Xác định những biểu hiện trưởng thành của cá nhân. 2. Tìm hiểu biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê. 3. Nhận diện đặc điểm của người có tư duy độc lập. 4. Nhận diện khả năng thích ứng với sự thay đổi.
2 – 3	4, 5, 6, 7, 8 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/Rèn luyện – Vận dụng	5. Thể hiện sự trưởng thành của bản thân trong cuộc sống. 6. Giới thiệu đam mê của bản thân. 7. Rèn luyện ý chí của bản thân. 8. Thể hiện khả năng tư duy độc lập. 9. Thể hiện khả năng thích ứng trước sự thay đổi. 10. Lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân.
3	9 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	11. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 12. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.

4	10, 11 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Giao lưu với những người có cùng đam mê/ý chí trong cuộc sống. — Tranh biện về sự trưởng thành của người HS. — Giao lưu về yêu cầu thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại. — ...
---	-------------------------------------	--	---

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Nhận diện được sự trưởng thành của bản thân.
- Nhận diện được phẩm chất ý chí và sự đam mê của bản thân.
- Nhận diện được khả năng tư duy độc lập và khả năng thích ứng với sự thay đổi của bản thân.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp thông qua việc thảo luận, trao đổi ý kiến với bạn bè và thầy cô, qua việc thu thập thông tin để chuẩn bị thích ứng với cuộc sống; Năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc tìm cách xử lý phù hợp khi giải quyết vấn đề trong cuộc sống; Năng lực tư duy phản biện thông qua việc xác định quan điểm của cá nhân trước một vấn đề trong cuộc sống.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thích ứng với cuộc sống thông qua việc xác định và thực hiện những việc làm cần thiết để thích ứng với thay đổi của cuộc sống.
- Phẩm chất: Có trách nhiệm với gia đình, bạn bè và trường lớp thông qua việc thể hiện sự trưởng thành của cá nhân, thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân với xã hội, với gia đình.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
----------	-------------------	-------------------

1. Chơi trò chơi và nhận diện, xác định những biểu hiện trưởng thành của cá nhân.	– GV tổ chức trò chơi “Đoán xem người đó là ai”, chia nhóm thảo luận kín để lựa chọn “người bí mật” và viết những mô tả 5 biểu hiện trưởng thành cần thiết về người đó. – GV mời từng nhóm nêu các mô tả về “người bí mật”, các nhóm khác lắng nghe và đoán tên “người bí mật” có các đặc điểm được mô tả. Nhóm nào đoán nhanh nhất thì nhóm đó thắng cuộc. – GV yêu cầu từng nhóm thảo luận, xác định những biểu hiện trưởng thành trong một lĩnh vực sau: trưởng thành về thể chất, trưởng thành về tâm lí, trưởng thành về xã hội. – Từng nhóm trình bày những biểu hiện trưởng thành theo lĩnh vực sau khi đã hoàn thiện lại sản phẩm. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về những biểu hiện của sự trưởng thành.	– Những biểu hiện của sự trưởng thành về thể chất (SGV). – Những biểu hiện của sự trưởng thành về tâm lí (SGV). – Những biểu hiện của sự trưởng thành về xã hội (SGV).
2. Thảo luận xác định những biểu hiện của phẩm chất ý chí, sự đam mê của cá nhân và chia sẻ những biểu hiện của ý chí và đam mê của bản thân.	– GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK và tìm những biểu hiện của ý chí, sự đam mê và báo cáo. – GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận nhóm xác định những biểu hiện của phẩm chất ý chí, sự đam mê của cá nhân.	– Các biểu hiện của phẩm chất ý chí (SGV). – Các biểu hiện của sự đam mê (SGV).

	– Đại diện các nhóm HS trình bày các biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê. – GV nhận xét và kết luận những biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê. – GV khuyến khích HS chia sẻ những biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê của bản thân.	– Bảng danh mục những đam mê và ý chí của HS.
3. Tranh biện về các ý kiến về người có tư duy độc lập và thảo luận, xác định những biểu hiện của tư duy độc lập.	– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm chọn 1 trong 2 ý kiến trong SGK. – GV yêu cầu mỗi nhóm có nhiệm vụ đưa ra những ý kiến tán thành và không tán thành ý kiến của nhóm khác kèm theo những lập luận về ý kiến đó. Đồng thời hướng dẫn cách tổ chức tranh biện (tham khảo SGK). – GV thành lập tổ trọng tài (3 người) để chấm điểm tranh biện với tiêu chí gợi ý trong SGK. – GV tổ chức cho hai nhóm lên tham gia tranh biện trước, các nhóm còn lại quan sát, lắng nghe và đưa ý kiến (tham khảo SGK). – GV nhận xét về quá trình tranh biện của các nhóm, về kết quả làm việc của tổ trọng tài và thông báo điểm đánh giá kết quả tranh biện. – GV tổ chức cho HS thảo luận, xác định những biểu hiện của tư duy độc lập và báo cáo kết quả. – GV nhận xét, điều chỉnh, bổ sung, khái quát, bổ sung và kết luận về biểu hiện của tư duy độc lập.	Những biểu hiện của tư duy độc lập (SGV).
4. Nhận diện và thảo luận xác định những biểu hiện của người có khả năng thích ứng với sự thay đổi.	– GV yêu cầu HS chia sẻ về những tình huống thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống dựa vào các gợi ý trong SGK. – GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong SGK và chỉ ra những biểu hiện thích ứng với sự thay đổi của Quân và báo cáo. – GV tổng kết những biểu hiện thích ứng với sự thay đổi của Quân (tham khảo SGK). – Tổ chức cho HS thảo luận xác định những biểu hiện của người có khả năng thích ứng với sự thay đổi. – GV cùng HS xem xét để phân tích, khái quát, bổ sung và kết luận về những biểu hiện của khả năng thích ứng với sự thay đổi.	Những biểu hiện của người có khả năng thích ứng với sự thay đổi (SGV).

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
5. Sắm vai thể hiện cách ứng xử của người trưởng thành trong các tình huống và lập kế hoạch thực hiện những việc em dự định làm để thể hiện sự trưởng thành.	– GV yêu cầu các nhóm thảo luận, lựa chọn cách giải quyết tình huống 1 và 2 trong SGK, sau đó sắm vai thể hiện cách ứng xử của người trưởng thành trong từng tình huống. – GV mời hai nhóm lên sắm vai thể hiện cách giải quyết tình huống 1 và tình huống 2. – GV, HS nhận xét về ý kiến của các nhóm đã nêu và kết luận về cách giải quyết phù hợp nhất. – GV tiếp tục yêu cầu HS đề xuất và lập kế hoạch thực hiện những việc dự định làm (cá nhân hoặc nhóm) để thể hiện sự trưởng thành (tham khảo SGK). – HS chia sẻ kế hoạch để được nghe góp ý của GV, các bạn và hoàn thiện.	– Cách ứng xử của người trưởng thành trong từng tình huống (SGV). – Kế hoạch thực hiện những việc dự định làm để thể hiện sự trưởng thành.
6. Giới thiệu đam mê của bản thân và quá trình theo đuổi đam mê và kết nối với những bạn có cùng đam mê để chia sẻ, hỗ trợ nhau.	– GV yêu cầu HS hoàn thiện bản giới thiệu dựa trên bản tự bạch về đam mê đã thực hiện ở nhiệm vụ 3 hoạt động 2 để giới thiệu đam mê của bản thân. – HS có cùng đam mê biên soạn, chuẩn bị bài giới thiệu đam mê của bản thân. – Nhóm HS có cùng đam mê trình bày. – GV nhận xét, đánh giá chỉ ra được những đam mê lành mạnh thúc đẩy sự phát triển bản thân và những đam mê có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của HS.	Bản giới thiệu về đam mê và quá trình theo đuổi đam mê của nhóm cùng loại đam mê.
7. Sắm vai thể hiện ý chí của bản thân trong các trường hợp; Lựa chọn việc cần thể hiện ý chí để lập kế hoạch và thực hiện công việc; Chia sẻ cách duy trì ý chí của bản thân khi thực hiện công việc	– Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm xác định cách giải quyết các tình huống trong SGK và phân công sắm vai thể hiện ý chí của bản thân. – Đại diện các nhóm sắm vai thể hiện ý chí của bản thân trước lớp, các bạn góp ý. – GV nhận xét, kết luận về cách ứng xử phù hợp. – GV tiếp tục yêu cầu HS lựa chọn một việc cần thể hiện ý chí, lập kế hoạch thể hiện ý chí và báo cáo. – GV và các bạn nhận xét kế hoạch của HS, bổ sung hoặc gợi ý để HS hoàn thiện kế hoạch. – GV yêu cầu HS thực hiện kế hoạch hành động và ghi chép lại kết quả/lưu lại sản phẩm (nếu có).	– Cách giải quyết phù hợp nhất trong từng tình huống (SGV). – Kế hoạch hành động thể hiện ý chí của HS và sản phẩm/kết quả thực hiện.

8. Tranh biện thể hiện khả năng tư duy độc lập và sắm vai xử lí các tình huống thể hiện là người có tư duy độc lập.	– GV yêu cầu HS đọc và chuẩn bị tranh biện về những nhận định trong SGK. – GV cho hai nhóm HS tiến hành tranh biện (tham khảo SGK). – Tổ trọng tài lắng nghe và chấm điểm độc lập trong quá trình tranh biện. Tính điểm kết quả tranh biện và thông báo điểm. – GV nhận xét quá trình tranh biện của hai nhóm, về hoạt động của tổ trọng tài. – Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm xác định cách giải quyết các tình huống trong SGK và phân công sắm vai thể hiện là người có tư duy độc lập – Đại diện các nhóm lần lượt lên sắm vai. Các nhóm khác bày tỏ ý kiến về cách thể hiện là người có tư duy độc lập. – Cả lớp cùng GV nhận xét, góp ý và chốt lại cách thể hiện phù hợp nhất.	Cách thể hiện là người có tư duy độc lập phù hợp nhất trong từng tình huống (SGV).
9. Xác định những việc cần làm để thích ứng trong những trường hợp cụ thể; Liệt kê những thay đổi đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống của bản thân và chỉ ra những việc cần làm để thích ứng với những thay đổi.	– GV yêu cầu HS đọc những trường hợp trong SGK và nêu những việc cần làm phù hợp để thích ứng. – Đại diện một số nhóm/cặp chia sẻ kết quả thảo luận trong từng trường hợp, các nhóm còn lại nhận xét, trao đổi ý kiến. – GV tiếp tục yêu cầu HS liệt kê những thay đổi đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống của bản thân và chỉ ra những việc cần làm để thích ứng với những thay đổi đó. – HS chia sẻ và trao đổi bảng liệt kê của mình với bạn để nhận góp ý từ bạn. – GV nhận xét, tổng kết những thay đổi đã và sẽ diễn ra với HS lớp 12; Đồng thời nêu những việc cần làm để thích ứng với những thay đổi.	– Những việc cần làm để thích ứng trong những trường hợp cụ thể trong SGK (SGV). – Từng HS liệt kê được những thay đổi đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống của bản thân và chỉ ra những việc cần làm để thích ứng với những thay đổi đó.
Vận dụng		
10. Lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân, ghi chép kết quả, lưu giữ sản phẩm.	Yêu cầu và hướng dẫn từng HS về nhà: – Lập kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân. Lưu ý: Xác định những mục tiêu cần đạt của bản thân trong thời gian tới (ngắn hạn và dài hạn) và	Kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng và kết quả rèn luyện.

	sắp xếp theo thứ tự ưu tiên; Liệt kê những vấn đề cần ưu tiên khi rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân; Dự kiến kết quả cần đạt sau từng khoảng thời gian . – Ghi lại kết quả vận dụng, lưu lại sản phẩm vận dụng.	
--	---	--

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả vận dụng.	– HS trình bày sản phẩm rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân. – Chia sẻ cảm xúc, bài học kinh nghiệm,... theo quy mô tổ, lớp.	Sự thay đổi theo hướng tích cực của từng HS, các bài học kinh nghiệm và cảm xúc tích cực.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (2 tiết)

GIAO LƯU THEO CHỦ ĐỀ “SỐNG CÙNG ĐAM MÊ”

(Ví dụ minh họa)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/sản phẩm
Mục tiêu: HS được tương tác trực tiếp với những người sống với đam mê, theo đuổi đam mê và đã thành công trong cuộc sống; được truyền cảm hứng từ những người thực, việc thực.	GV chuẩn bị: – Thành lập Ban tổ chức gồm: Đại diện BGH nhà trường, đại diện Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện GVCN, đại diện HS khối lớp 12. – Xây dựng chương trình giao lưu, xác định danh sách khách mời tham gia giao lưu, nội dung giao lưu. – Phân công một GV và một HS khối lớp 12 làm NDCT và chuẩn bị nội dung dẫn chương trình giao lưu.	– Lan toả, tạo động lực cho HS trong toàn trường quyết tâm theo đuổi đam mê. – HS nhận thức được sâu sắc và đầy đủ hơn ý nghĩa/ sự cần thiết phải theo đuổi đam mê.

<i>Nội dung:</i> — Những lợi ích của theo đuổi đam mê. — Những khó khăn và thách thức khi theo đuổi đam mê. — Những cách thực hiện được đam mê của mình khi gặp khó khăn. — Những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình theo đuổi đam mê. <i>Đối tượng tham gia:</i> Tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	— Phân công mỗi khối chuẩn bị một tiết mục văn nghệ. — Liên hệ với khách mời để đặt lịch và trao đổi nội dung giao lưu, xin các tư liệu về khách mời để viết bài truyền thông giới thiệu trên hệ thống truyền thông của nhà trường, trong giấy mời điện tử và video minh họa khi khách mời giao lưu. — Chuẩn bị trang trí sân khấu, phong, loa đài, bàn ghế ngồi giao lưu cho khách mời. — Chuẩn bị quà lưu niệm, hoa tặng khách mời (nếu có điều kiện). — Phối hợp cùng HS tiếp đón khách mời. — Thông báo cho HS khối 10, 11 và 12 tham gia. <i>HS chuẩn bị:</i> — Chuẩn bị tiết mục văn nghệ theo sự phân công của Ban tổ chức. — Tìm hiểu về chủ đề giao lưu và chuẩn bị ý kiến tham gia giao lưu; câu hỏi cho khách mời khi giao lưu. <i>* Câu hỏi gợi ý:</i> + Theo đuổi đam mê đã mang lại những lợi ích gì cho anh/chị? + Khi theo đuổi đam mê, anh/chị đã gặp những khó khăn và thách thức nào? + Làm cách nào để thực hiện được đam mê của mình khi anh/chị gặp khó khăn? + ... <i>Tiến trình tổ chức:</i> 1. Tiếp đón khách mời 2. Tổ chức giao lưu — NDCT lần lượt giới thiệu những khách mời tham gia giao lưu, giới thiệu đại diện nhà trường. — Khách mời chia sẻ về đam mê của bản thân và quá trình thực hiện đam mê, những khó khăn và thành công. — HS đặt các câu hỏi cho khách mời về chủ đề đam mê. — NDCT giới thiệu xen kẽ các tiết mục văn nghệ.	— HS trong toàn trường học được kinh nghiệm của bạn trong trường về việc khắc phục khó khăn để theo đuổi đam mê hiệu quả.
--	---	---

	– Sau khi hết ý kiến trao đổi, NDCT tổng kết: + Ý nghĩa của đam mê trong cuộc sống. + Quá trình theo đuổi đam mê giúp con người hoàn thiện bản thân, làm phong phú giá trị cuộc sống cá nhân và xã hội. + Sự thành công của mỗi người gắn với sự đam mê, dù quá trình theo đuổi đam mê luôn khó khăn, vất vả, nhưng giúp con người trưởng thành. – NDCT mời đại diện nhà trường lên cảm ơn và tặng quà lưu niệm cho khách mời. – Đại diện nhà trường khích lệ HS tạo dựng đam mê lành mạnh cho bản thân, theo đuổi đam mê, phát triển bản thân. – NDCT cảm ơn các thầy cô và các bạn trong trường đã tham gia giao lưu và tuyên bố kết thúc buổi giao lưu. <i>Đánh giá, rút kinh nghiệm sau triển lãm:</i> – Phòng vấn HS về những điều mà các em thu hoạch được sau khi giao lưu. – Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để lần sau tổ chức thành công hơn.	
--	--	--

CHỦ ĐỀ 3

(15 tiết)

HOÀN THIỆN BẢN THÂN

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 3

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
------	------	----------	-----------

1 – 2	1, 2, 3, 4 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Xác định những biểu hiện về tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. 2. Tìm hiểu cách thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra. 3. Xác định cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau. 4. Tìm hiểu về kế hoạch phát triển tài chính phù hợp cho bản thân.
2 – 4	5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/ Rèn luyện – Vận dụng	5. Thể hiện sự trung thực, tinh thần trách nhiệm trong đời sống. 6. Rèn luyện thói quen tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. 7. Thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra. 8. Thực hành điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong các tình huống giao tiếp khác nhau. 9. Lập và thực hiện kế hoạch phát triển tài chính của bản thân. 10. Tự hoàn thiện bản thân.
4	11, 12 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	11. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 12. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
5	13, 14, 15 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Báo cáo điển hình của những tấm gương về “Tự hoàn thiện bản thân”. — Giao lưu chia sẻ kinh nghiệm về “luyện bản thân”. — Kịch tương tác về ý chí vượt khó của HS để rèn luyện bản thân/tự hoàn thiện.

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.
- Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.
- Điều chỉnh được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau.
- Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển tài chính cho bản thân trong điều kiện phù hợp.

Góp phần phát triển:

– Năng lực đặc thù: Năng lực lập và thực hiện kế hoạch thông qua lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân; Năng lực thích ứng với cuộc sống thông qua ứng xử hợp lý trong các tình huống, điều chỉnh công việc để thực hiện theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.

– Năng lực chung: Năng lực giao tiếp qua quản lý cảm xúc và ứng xử hợp lý trong các tình huống; Năng lực giải quyết vấn đề qua xử lý các tình huống về tuân thủ thời gian và cam kết đã đề ra trong kế hoạch, quản lý cảm xúc và ứng xử hợp lý và tham gia kịch tương tác thể hiện tính trung thực và trách nhiệm.

– Phẩm chất trách nhiệm, trung thực trong tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống; Phẩm chất chăm chỉ khi tuân thủ thời gian và cam kết đã đề ra trong kế hoạch; Phẩm chất nhân ái khi quản lý cảm xúc và ứng xử hợp lý trong các tình huống.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Nhận biết biểu hiện của tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong những trường hợp cụ thể và xác định những biểu hiện của tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân phân tích tình thần trách nhiệm, sự trung thực của bạn An và chỉ ra ý thức tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống của bạn Bích ở trường học trong SGK. – GV tổ chức HS báo cáo trước lớp kết quả phân tích và chia sẻ thêm về những trường hợp thể hiện tính trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.	– Những biểu hiện của tinh thần trách nhiệm (SGV). – Những biểu hiện của sự trung thực (SGV). – Những biểu hiện của tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống (SGV).
	– HS thảo luận theo nhóm xác định các biểu hiện của tinh thần trách nhiệm, trung thực và các biểu hiện của tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống và trình bày kết quả trước lớp. – GV khái quát, bổ sung và kết luận.	

2. Nhận diện và xác định cách thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.	— GV yêu cầu HS đọc trường hợp, suy nghĩ và nhận diện những biểu hiện thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết của nhân vật Hiếu trong SGK và báo cáo. — GV yêu cầu HS chia sẻ thêm những tình huống mà các em đã cố gắng thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra. — GV khái quát, bổ sung và kết luận về những biểu hiện thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết. — GV tổ chức thảo luận theo nhóm để xác định cách thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra và trình bày kết quả. — GV nhận xét, khái quát, bổ sung và kết luận.	— Những biểu hiện thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết (SGV). — Cách thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra (SGV).
3. Kể những trải nghiệm về điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong tình huống giao tiếp cụ thể và xác định cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau.	— GV yêu cầu HS nhớ lại và chia sẻ với các bạn trong lớp về những cách em đã điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong một tình huống giao tiếp cụ thể. — GV tổ chức cho HS dựa vào các gợi ý trong SGK thảo luận về cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau và trình bày kết quả. — GV nhận xét, khái quát, bổ sung và kết luận.	Cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau (SGV).
4. Tìm hiểu và xác định cách lập kế hoạch phát triển tài chính phù hợp với bản thân.	— GV yêu cầu HS làm việc cá nhân đọc và suy ngẫm về quá trình xây dựng kế hoạch phát triển tài chính của Hồng để tìm hiểu về các kế hoạch phát triển tài chính và chia sẻ.	— Các thành tố của kế hoạch phát triển tài chính.

	— GV phân tích, tổng hợp ý kiến của HS về kế hoạch phát triển tài chính và chốt lại. — GV chia nhóm và yêu cầu HS dựa vào các gợi ý trong SGK, thảo luận xác định cách lập kế hoạch phát triển tài chính phù hợp cho bản thân và trình bày kết quả. — GV nhận xét, khái quát, bổ sung và kết luận.	— Cách lập kế hoạch phát triển tài chính phù hợp cho bản thân (SGV).
--	--	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
5. HS thể hiện tính trung thực đồng thời có trách nhiệm trong tình huống cụ thể thông qua kịch tương tác.	— GV yêu cầu HS cả lớp nghiên cứu tình huống và gợi ý trong SGK và suy nghĩ về cách giải quyết. — GV đề nghị một nhóm HS xung phong xây dựng kịch bản, phân vai và thể hiện kịch bản. — GV khích lệ HS tham gia kịch tương tác đưa ra cách giải quyết thể hiện tính trung thực đồng thời có trách nhiệm.	Các cách giải quyết tình huống thể hiện tính trung thực đồng thời có trách nhiệm.
6. Xác định những điều còn hạn chế của bản thân và xác định các biện pháp khắc phục hạn chế của bản thân để tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.	— GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tự nhận thức để xác định những điều còn hạn chế của bản thân theo gợi ý trong SGK. — GV tổ chức cho HS thảo luận theo cặp để xác định các biện pháp khắc phục hạn chế của bản thân để tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. — Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.	Từng HS xác định được biện pháp phù hợp khắc phục hạn chế của bản thân để tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.
7. Xác định cách xử lý thể hiện thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra trong các tình huống cụ thể.	— Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm xác định cách giải quyết các tình huống trong SGK và phân công sắm vai thể hiện cách giải quyết tình huống. — Đại diện các nhóm sắm vai thể hiện cách giải quyết trước lớp. — Cả lớp nhận xét, góp ý và chốt lại cách giải quyết phù hợp nhất.	— Cách giải quyết phù hợp nhất trong từng tình huống (SGV). — Ý nghĩa của việc thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra.

	– Tổ chức cho HS trao đổi chung toàn lớp về ý nghĩa của việc thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra.	
8. Thực hành điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	– Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm xác định cách ứng xử phù hợp ở các tình huống trong SGK và phân công sắm vai thể hiện. – Đại diện các nhóm sắm vai thể hiện cách ứng xử trước lớp. – Cả lớp nhận xét, góp ý và chốt lại cách ứng xử phù hợp nhất.	Cách ứng xử phù hợp nhất trong từng tình huống (SGV).
9. Thực hành lập và thực hiện kế hoạch phát triển tài chính của bản thân.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tự nhận xét sự phù hợp/chưa phù hợp trong việc thực hiện phát triển tài chính của bản thân trong thời gian qua theo gợi ý trong SGK. – Trên cơ sở đó yêu cầu từng em lập kế hoạch phát triển tài chính của bản thân trong điều kiện phù hợp theo gợi ý trong SGK. – GV yêu cầu HS chia sẻ kế hoạch phát triển tài chính cá nhân với các bạn và hoàn thiện kế hoạch. – GV hướng dẫn HS thực hiện kế hoạch và theo dõi kết quả thực hiện.	Từng HS xây dựng được kế hoạch phát triển tài chính phù hợp với bản thân. Đồng thời thực hiện được kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết.
Vận dụng		
10. Thể hiện sự tuân thủ nội quy, quy định, kế hoạch, thời gian, trách nhiệm, trung thực và thực hiện cam kết, điều chỉnh cảm xúc, ứng xử phù hợp, kế hoạch phát triển tài chính cá nhân để phát triển bản thân.	Yêu cầu HS về nhà: – Thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra để sử dụng thời gian hữu ích; Thực hiện kế hoạch phát triển tài chính cá nhân và điều chỉnh biện pháp phát triển tài chính để đạt mục tiêu; Tuân thủ được nội quy, quy định của pháp luật, thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực trong các tình huống của đời sống; Điều chỉnh cảm xúc, ứng xử hợp lý trong các tình huống hằng ngày để giao tiếp hiệu quả. – Ghi lại kết quả vận dụng, lưu lại sản phẩm vận dụng.	Những việc làm, hành động tích cực, cách ứng xử phù hợp trong đời sống hàng ngày của từng HS để phát triển bản thân.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả vận dụng.	- HS trình bày sản phẩm, chia sẻ cảm xúc, bài học kinh nghiệm theo quy mô tổ, lớp. - Hoặc trưng bày kết quả hoàn thiện bản thân trong triển lãm ở quy mô lớp, hoặc trường.	Sự thay đổi theo hướng tích cực của từng HS, các bài học kinh nghiệm và cảm xúc tích cực
2. Đánh giá cuối chủ đề	- GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. - HS tự đánh giá cá nhân. - HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. - GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (3 tiết)

BÁO CÁO ĐIỂN HÌNH VỀ TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

(Ví dụ minh họa)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/sản phẩm
<i>Mục tiêu:</i> HS có cơ hội chia sẻ kết quả tự hoàn thiện với thầy cô, bạn bè để lan toả, tạo động lực cho HS trong toàn trường cố gắng rèn luyện, phát huy hết những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế của bản thân. <i>Nội dung:</i> Những thành công và cách đã vượt qua những khó khăn để rèn luyện/hoàn thiện bản thân.	<i>GV chuẩn bị:</i> - Thành lập Ban tổ chức – có trách nhiệm xây dựng chương trình và kịch bản tổ chức. Phân công GV chịu trách nhiệm tổng kết sau khi HS đã báo cáo, chia sẻ xong. Lựa chọn HS làm NDCT và thống nhất kịch bản với NDCT. - Lựa chọn những HS có kết quả tự hoàn thiện nổi bật ở các lớp trong trường dựa trên danh sách các lớp đưa lên để báo cáo điển hình. - Thông báo cho những HS được lựa chọn chuẩn bị báo cáo/sản phẩm thể hiện kết quả tự hoàn thiện dưới các hình thức khác nhau (bài thuyết trình; hình ảnh; video, hoặc các sản phẩm khác). Trong thông báo có thể gợi ý cụ thể về nội dung báo	- Lan toả, tạo động lực cho HS trong toàn trường quyết tâm rèn luyện/tự hoàn thiện theo mục tiêu đặt ra. - HS nhận thức được sâu sắc và đầy đủ hơn ý nghĩa/sự cần thiết phải rèn luyện bản thân/ hoàn thiện bản thân. - HS trong toàn trường học được kinh nghiệm của bạn trong trường

— Những sản phẩm minh chứng cho kết quả của rèn luyện bản thân (nếu có). — Những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình rèn luyện/ tự hoàn thiện bản thân. <i>Đối tượng tham gia:</i> Tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	cáo như: tự nhận thức điểm mạnh, điểm yếu; đặt mục tiêu rèn luyện; biện pháp rèn luyện; quá trình vượt qua khó khăn, thử thách, những bài học kinh nghiệm được rút ra,... HS cũng có thể tạo sản phẩm bằng cách mô tả về chân dung (sự thay đổi) của mình trước và sau khi thực hiện mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để tự hoàn thiện bản thân. — Phân công nhiệm vụ chuẩn bị các tiết mục văn nghệ cho GV và HS từng lớp/khối lớp để biểu diễn đan xen các báo cáo, chia sẻ. — Chuẩn bị địa điểm, phong chữ về chủ đề, hệ thống âm thanh, phương tiện nghe nhìn và điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động. — Phổ biến kế hoạch tổ chức “Báo cáo điển hình về Tự hoàn thiện bản thân” cho HS toàn trường. <i>HS chuẩn bị:</i> — Các lớp đăng kí và chuẩn bị các tiết mục văn nghệ biểu diễn xen kẽ giữa các hoạt động. — HS các lớp được lựa chọn báo cáo điển hình chuẩn bị báo cáo/sản phẩm để trình bày và chia sẻ. — HS trong trường chuẩn bị các câu hỏi để tham gia giao lưu với tác giả của những báo cáo điển hình. <i>Tiến trình tổ chức:</i> — NDCT tuyên bố lí do tổ chức buổi báo cáo để tạo cơ hội cho những HS rèn luyện bản thân thành công báo cáo kết quả/sản phẩm và chia sẻ kinh nghiệm tự hoàn thiện bản thân cho HS toàn trường nhằm tạo ra sức lan toả và động lực cho các bạn cố gắng rèn luyện, tự hoàn thiện. — NDCT giới thiệu từng HS tiêu biểu báo cáo hoặc trình bày sản phẩm về tự hoàn thiện bản thân của mình. Sau mỗi phần trình bày của từng HS, NDCT khuyến khích HS toàn trường đặt câu hỏi cho bạn. — NDCT giới thiệu đan xen các tiết mục văn nghệ giữa các báo cáo.	về việc khắc phục khó khăn để rèn luyện, hoàn thiện hiệu quả.
--	--	--

	— NDCT khích lệ HS trong trường chia sẻ cảm xúc về những thành công của bạn, đồng thời chia sẻ suy nghĩ về mục tiêu, kế hoạch rèn luyện/hoàn thiện bản thân của mình. — GV thay mặt ban tổ chức khái quát những thành quả tự hoàn thiện và những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình rèn luyện và tự hoàn thiện bản thân qua những báo cáo điển hình. — Đại diện BGH nhà trường tặng quà cho những HS có sự thay đổi nổi trội/thành công trong quá trình rèn luyện/tự hoàn thiện vừa qua. Đồng thời tiếp tục phát động thi đua hoàn thiện bản thân trong toàn trường. <i>Đánh giá, rút kinh nghiệm sau triển lãm:</i> — Phỏng vấn HS về những điều mà các em thu hoạch được sau khi nghe các báo cáo điển hình. — Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để lần sau tổ chức thành công hơn.	
--	---	--

CHỦ ĐỀ 4

(9 tiết)

TRÁCH NHIỆM VỚI GIA ĐÌNH

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 4

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1, 2 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Tìm hiểu các việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. 2. Tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội. 3. Tìm hiểu ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình.

2	3, 4, 5, 6 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/ Rèn luyện –Vận dụng	4. Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình. 5. Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. 6. Thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình. 7. Phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình em. 8. Thể hiện trách nhiệm đối với gia đình.
3	7 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	9. Báo cáo kết quả vận dụng và kết quả tự đánh giá sau chủ đề.
3	8, 9 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: – Triển lãm sản phẩm về “Trách nhiệm với gia đình” của HS. – Giao lưu về “Học tập những tấm gương điển hình trong trường về thể hiện trách nhiệm với gia đình”. – Trao đổi về “Kinh nghiệm tham gia phát triển kinh tế gia đình” của HS. – ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình.
- Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình.
- Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.
- Phân tích được chi phí sinh hoạt trong gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác và giao lưu thông qua xử lý các tình huống, kịch tương tác giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thích ứng với cuộc sống thông qua giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình; phân tích chi phí sinh hoạt trong gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu, lối sống và điều chỉnh chi phí sinh hoạt của gia đình cho phù hợp.
- Phẩm chất trách nhiệm, nhân ái thông qua các tình huống thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình, thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. HS tìm hiểu các việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình, trên cơ sở đó nhận diện những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình trong trường hợp cụ thể.	– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu HS dựa vào những gợi ý trong SGK thảo luận các việc cần làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. – Đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Lưu ý nhóm sau chỉ bổ sung những ý kiến khác các nhóm đã trình bày trước. – GV nhận xét, đánh giá và kết luận về các việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. – GV tiếp tục yêu cầu HS dựa vào những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình để nhận diện và chỉ ra những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình của bạn Chi.	Xác định được những việc cần làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình (SGV).
2. Tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình, giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.	– GV yêu cầu HS cả lớp suy ngẫm, chia sẻ về vai trò, trách nhiệm mà em đã thể hiện hoặc tham gia vào tổ chức cuộc sống gia đình theo những gợi ý trong SGK. – GV yêu cầu các nhóm dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận, bổ sung về: vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình; về giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội. – Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác bổ sung. – GV cùng HS tổng hợp, khái quát và chốt lại: + Vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình. + Giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.	– Xác định được vai trò, trách nhiệm của bản thân tham gia vào tổ chức cuộc sống gia đình (SGV). – Xác định được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội (SGV).
3. Tìm hiểu ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống trong gia đình đối với chi phí sinh hoạt của gia đình.	– GV yêu cầu HS trong lớp nghiên cứu các trường hợp trong SGK để tìm hiểu ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt của gia đình. – GV lưu ý HS phân tích những yếu tố tác động đến chi phí sinh hoạt hằng tháng của từng gia đình theo các cặp quan hệ sau:	– Chỉ ra ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống trong gia đình đối với chi phí sinh hoạt của gia đình.

+ Ảnh hưởng của thu nhập thực tế đến lối sống. + Ảnh hưởng của lối sống đến quyết định chi tiêu. + Ảnh hưởng của thu nhập thực tế, lối sống và quyết định chi tiêu đến chi phí sinh hoạt của gia đình. – GV khuyến khích HS xung phong trình bày phân tích của mình về ảnh hưởng của thu nhập thực tế, lối sống và quyết định chi tiêu đến chi phí sinh hoạt của gia đình trong từng trường hợp. – GV phân tích, bổ sung (nếu cần) và kết luận. – GV yêu cầu HS trao đổi thêm về ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp trong gia đình.	– Nêu được ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp trong gia đình.
---	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
4. HS thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình thông qua sắm vai xử lý các tình huống.	– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu HS làm việc theo nhóm thảo luận xác định cách giải quyết các tình huống trong SGK và phân công sắm vai thể hiện cách giải quyết. – HS sắm vai thể hiện cách xử lý các tình huống trong SGK thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến người thân.	– HS thể hiện được sự chăm sóc chu đáo đối với các thành viên trong gia đình qua việc sắm vai xử lý tình huống.
	– GV phân tích, nhận xét, kết luận về cách giải quyết phù hợp của từng tình huống.	– Cách giải quyết phù hợp của từng tình huống (SGV).

5. HS thể hiện được sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình Hiền thông qua diễn kịch tương tác.	– GV yêu cầu HS cả lớp cùng nghiên cứu trường hợp trong SGK. – Đề nghị HS xây dựng kịch bản thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh trong gia đình Hiền. Kịch bản cần xoay quanh các vấn đề sau: + Con cái có nên chủ động đề xuất được tham gia bàn bạc và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong gia đình hay không? + Rút tiền trước hạn hay đi vay? Dùng sổ ngân hàng thế chấp để vay hay vay ai? Vì sao nên làm như vậy? + Người nhà thay nhau chăm sóc ông hay thuê người chăm ông? Vì sao nên làm như vậy? – Khuyến khích tất cả HS tham gia kịch tương tác thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh trong gia đình Hiền (SGV). – GV kết luận về cách giải quyết phù hợp trong gia đình Hiền.	– HS thể hiện được sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình thông qua tham gia kịch tương tác. – Kết luận về cách giải quyết phù hợp trong gia đình Hiền (SGV).
6. HS thiết kế sản phẩm thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình.	– GV yêu cầu từng nhóm lựa chọn và thực hiện một hoạt động ở nhà (hoặc ở địa điểm phù hợp) thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong tổ chức cuộc sống gia đình theo gợi ý trong SGK, đồng thời chuẩn bị để báo cáo kết quả hoạt động dưới hình thức khác nhau. – Đại diện các nhóm xung phong báo cáo kết quả hoạt động dưới dạng bài viết; video; sản phẩm;... – GV nhận xét về kết quả hoạt động của các nhóm: + Về ý nghĩa của những hoạt động các em đã lựa chọn và thực hiện. + Về nội dung, hình thức của các sản phẩm đã được trình bày, báo cáo.	HS lựa chọn và thực hiện được một hoạt động thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong tổ chức cuộc sống gia đình ở nhà (hoặc ở địa điểm phù hợp).
7. HS phân tích được ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt	– GV đề nghị HS dựa trên những yêu cầu trong SGK để phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống của gia đình mình đến chi phí sinh hoạt trong gia đình.	HS phân tích được ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống của gia

trong gia đình mình và biết điều chỉnh cho phù hợp.	— HS trình bày kết quả phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống của gia đình em đến chi phí sinh hoạt trong gia đình và những điều chỉnh cần thiết. — GV cùng cả lớp góp ý, nhận xét.	đình mình đến chi phí sinh hoạt trong gia đình, và đề xuất điều chỉnh (nếu thấy chưa phù hợp).
Vận dụng		
8. HS đề xuất ý tưởng em muốn tổ chức hoạt động/sự kiện thể hiện là người con có trách nhiệm trong gia đình, trình bày với gia đình về ý tưởng đó và tổ chức thực hiện.	GV đề nghị và hướng dẫn HS: — Đề xuất ý tưởng bản thân muốn tổ chức hoạt động hoặc sự kiện nào đó thể hiện là người con có trách nhiệm trong gia đình. — Sau đó trao đổi dự định của mình với gia đình và tổ chức thực hiện. — Ghi chép các kết quả thực hiện, cảm xúc và những khó khăn, cách khắc phục và bài học kinh nghiệm.	HS đề xuất được ý tưởng tổ chức hoạt động hoặc sự kiện nào đó thể hiện là người con có trách nhiệm trong gia đình và tổ chức thành công đem lại nhiều cảm xúc tích cực.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả vận dụng. GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm thực hiện được một hoạt động thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong tổ chức cuộc sống gia đình ở nhà; báo cáo kết quả tổ chức hoạt động hoặc sự kiện thể hiện là người con có trách nhiệm trong gia đình.	— Tổ chức cho mọi HS có cơ hội báo cáo, trình bày sản phẩm dưới dạng bài viết kèm theo hình ảnh hoặc video theo quy mô tổ, hoặc lớp. — Yêu cầu các em chia sẻ cảm xúc và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện.	— HS học tập được kinh nghiệm của nhau trong việc thực hiện trách nhiệm với gia đình nói chung và trong việc tổ chức các hoạt động/sự kiện thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong tổ chức cuộc sống gia đình nói riêng. — Cảm xúc tích cực khi thực hiện trách nhiệm với gia đình được lan toà, khích lệ các em có động lực thể hiện trách nhiệm với gia đình cao hơn. — HS lựa chọn được những sản phẩm đặc sắc của lớp để tham gia triển lãm sản phẩm của trường.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	— GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

	trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. — HS tự đánh giá cá nhân. — HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. — GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	
--	---	--

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (2 tiết)

TRIỂN LÃM SẢN PHẨM VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI GIA ĐÌNH

(Ví dụ minh họa)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/ sản phẩm
<i>Mục tiêu:</i> HS có cơ hội trưng bày sản phẩm thể hiện trách nhiệm với gia đình để khích lệ, lan toả ý thức trách nhiệm với gia đình của HS trong toàn trường. <i>Nội dung triển lãm:</i> Các loại sản phẩm của HS (kế hoạch thực hiện công việc gia đình; biện pháp phát triển kinh tế gia đình; vật thật là sản phẩm mà HS làm ra,...) thể hiện trách nhiệm với gia đình của HS. <i>Đối tượng tham gia:</i> Tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	<i>Chuẩn bị:</i> — Thành lập Ban tổ chức: Đại diện BGH nhà trường; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; GV tổ chức chủ đề “Trách nhiệm với gia đình” ở 3 khối lớp; Đại diện Ban PHHS, đại diện HS các khối lớp,... — Gửi thông báo về các lớp khối 10, 11, 12, trong đó cần nêu rõ mục tiêu; nội dung; thời gian nộp sản phẩm; địa chỉ gửi sản phẩm triển lãm (ví dụ: Ban tổ chức tại phòng Hội đồng nhà trường); thời gian mở cửa triển lãm (từ ... đến...). — Gửi giấy mời đến Ban đại diện PHHS. — Lựa chọn nơi trưng bày sản phẩm và trang trí (nhà đa năng hoặc phân chia mỗi lớp một khoảng tại hành lang các lớp học; hay ở tại sân trường và trưng bày sản phẩm của HS trong một buổi). — Thu nhận sản phẩm: Ban tổ chức có trách nhiệm thu nhận, lựa chọn những sản phẩm; sắp xếp, trưng bày sản phẩm (có thể theo khối lớp hoặc theo loại sản phẩm,...). — Xây dựng lịch xem triển lãm cho các khối lớp. <i>Tiến trình tổ chức:</i> <i>a. Tổ chức khai mạc triển lãm</i> — Địa điểm: Tại sân trường hoặc nhà đa năng. — Thời gian: 7h30p ngày...tháng...năm...	— Lan toả được ý thức trách nhiệm với gia đình đối với HS trong toàn trường. — HS nhận thức được sâu sắc và đầy đủ hơn trách nhiệm của mình đối với gia đình bằng những sản phẩm cụ thể và có ý nghĩa. — HS học được kinh nghiệm của bạn trong trường về việc thể hiện trách nhiệm với gia đình.

	— NDCT giới thiệu thành phần tham gia. — Trưởng ban tổ chức đọc diễn văn khai mạc triển lãm (trong đó nêu mục tiêu của triển lãm và tổng quan về các loại sản phẩm của các khối lớp được trưng bày trong triển lãm; những sản phẩm đặc sắc, độc đáo,...). <i>b. Mở cửa triển lãm</i> — Mời Ban đại diện PHHS, thầy, cô giáo và HS vào xem triển lãm các sản phẩm của HS. — GV cùng HS xem triển lãm và bàn luận về các sản phẩm. — GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc, thu hoạch của mình sau khi xem triển lãm. <i>c. Đánh giá, rút kinh nghiệm sau triển lãm:</i> — Phỏng vấn HS về những điều mà các em thu hoạch được sau khi xem triển lãm; những mong đợi và điều cần rút kinh nghiệm để triển lãm có tác động lan tỏa tốt hơn (có thể theo quy mô lớp, hoặc quy mô trường). — Tổng hợp, phân tích thu hoạch, cảm xúc của HS sau triển lãm để đối chiếu với mục tiêu đặt ra. — Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để lần sau tổ chức thành công hơn.	
--	--	--

CHỦ ĐỀ 5

(9 tiết)

XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 5

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1, 2 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Tìm hiểu biểu hiện của sự chủ động và tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. 2. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị. 3. Tìm hiểu cách quản lí dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo.

1 – 2	3, 4, 5, 6 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/ Rèn luyện – Vận dụng	4. Thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. 5. Thực hiện hoạt động khám phá các nền văn hoá khác nhau. 6. Thể hiện sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. 7. Thực hiện hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị. 8. Lập và thực hiện kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và biện pháp quản lí dự án. 9. Đánh giá ý nghĩa của hoạt động xã hội. 10. Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sinh sống.
3	7 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	11. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 12. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
3	8, 9 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Biểu diễn trang phục các dân tộc Việt Nam hoặc thế giới. — Thi hát dân ca các dân tộc Việt Nam giữa các vùng miền hoặc các nước châu Á. — Biểu diễn dân vũ các nước. — Triển lãm tranh với chủ đề “Đoàn kết, hợp tác cùng phát triển”. — ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Thể hiện được sự chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.
- Thực hiện được các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị.
- Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau; thể hiện được thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.
- Xây dựng và triển khai được dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và quản lí dự án hiệu quả.
- Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động xã hội.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực hợp tác trong công việc thông qua việc khám phá, tìm hiểu các nền văn hoá, chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng; kĩ năng giao tiếp thông qua việc chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội.
- Năng lực đặc thù: Năng lực lập và thực hiện kế hoạch thông qua xây dựng và thực hiện dự

án hoạt động tình nguyện nhân đạo và cách quản lý dự án.

– Phẩm chất trách nhiệm thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, xây dựng cộng đồng và phẩm chất nhân ái, đoàn kết qua hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị; thái độ tôn trọng qua khám phá các nền văn hoá khác nhau và tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Chia sẻ và xác định các biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng.	– GV yêu cầu HS suy nghĩ và chia sẻ trước lớp về các biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội; các biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. – GV tổ chức HS dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận theo nhóm và báo cáo trước lớp về: + Biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội. + Biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. – GV khái quát, bổ sung và kết luận.	– Biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội (SGV). – Biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng (SGV).
2. Chia sẻ và xác định những hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với HS trung học phổ thông.	– GV chia nhóm, yêu cầu HS chia sẻ những kinh nghiệm và dựa vào gợi ý trong SGK để thảo luận xác định những hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với HS trung học phổ thông. – GV yêu cầu đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về những hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với học sinh trung học phổ thông.	Những hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với học sinh trung học phổ thông (SGV).
3. Chia sẻ và xác định về cách quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo	– GV chia nhóm, yêu cầu HS chia sẻ những kinh nghiệm và dựa vào gợi ý trong SGK để thảo luận xác định quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo. – GV yêu cầu đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả. – GV khái quát, bổ sung và kết luận về cách quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo.	Cách quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo (SGV).

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
4. Thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng.	– GV chia nhóm và yêu cầu các nhóm dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận lựa chọn nội dung và xây dựng kịch bản thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. – Đại diện các nhóm trình diễn tiểu phẩm thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng trước lớp. – GV yêu cầu HS phân tích nhận xét các tiểu phẩm theo gợi ý trong SGK. – GV nhận xét, kết luận.	Các tiểu phẩm thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng.
5. Thực hiện hoạt động khám phá các nền văn hoá khác nhau.	– GV chia nhóm, yêu cầu mỗi nhóm lựa chọn nội dung và thiết kế hoạt động khám phá một nền văn hoá theo gợi ý trong SGK. – Đại diện các nhóm trình bày nội dung và hình	HS thiết kế, thực hiện được hoạt động khám phá một nền văn hoá và thể hiện qua báo cáo.
	thức khám phá. HS trong lớp đặt câu hỏi, góp ý, nhận xét. – GV nhận xét hoạt động, biểu dương các nhóm có nội dung khám phá và hình thức thể hiện nội dung tốt. – GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động khám phá một nền văn hoá và viết báo cáo theo gợi ý trong SGK.	
6. Thể hiện sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.	– GV yêu cầu HS chia sẻ với lớp về sự hứng thú, ham hiểu biết của bản thân khi khám phá các nền văn hoá khác nhau theo gợi ý trong SGK. – GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm dựa vào gợi ý trong SGK xây dựng bài thuyết trình về tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. – Đại diện các nhóm trình bày nội dung bài thuyết trình. HS trong lớp trao đổi, đặt câu hỏi. – GV nhận xét về bài thuyết trình tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá của các nhóm.	Các bài thuyết trình về tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.

7. Lựa chọn nội dung, thiết kế, thực hiện hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị và báo cáo.	– Chia nhóm và yêu cầu các nhóm dựa vào gợi ý trong SGK thảo luận lựa chọn nội dung và thiết kế hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị. – Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thiết kế hoạt động theo nội dung đã chọn để nhận được sự góp ý của các bạn và GV. – GV yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động (có thể ở các không gian khác nhau) và trình bày sản phẩm/kết quả của hoạt động.	Sản phẩm/kết quả thực hiện hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị
8. Lựa chọn một dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo, lập và thực hiện kế hoạch dự án và biện pháp quản lí dự án.	– GV yêu cầu mỗi tổ tự đề xuất hoặc tham khảo các dự án hoạt động trong SGK, lựa chọn một hoạt động phù hợp để lập kế hoạch theo gợi ý trong SGK. – Đại diện các nhóm trình bày kế hoạch và cách quản lí dự án (dựa vào kết quả của Hoạt động 3). – Cả lớp nhận xét, góp ý cho từng nhóm. – GV nhận xét, kết luận và hướng dẫn các nhóm tự triển khai thực hiện kế hoạch, chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm.	Kế hoạch hoạt động tình nguyện nhân đạo và cách quản lí dự án.

9. Đánh giá ý nghĩa của các hoạt động xã hội đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	– Yêu cầu HS thảo luận đánh giá ý nghĩa của hoạt động xã hội theo gợi ý trong SGK. – Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. – GV nhận xét và kết luận về ý nghĩa của hoạt động xã hội.	Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và cộng đồng (SGV).
Vận dụng		
10. Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sinh sống.	Yêu cầu HS về nhà: – Lựa chọn các hoạt động xây dựng cộng đồng phù hợp với bản thân (xem gợi ý trong SGK). – Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng đã lựa chọn. – Ghi lại kết quả, lưu lại sản phẩm hoạt động để báo cáo.	Những hoạt động HS tham gia để xây dựng cộng đồng.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả hoạt động.	– Các nhóm trình bày/báo cáo: + Kết quả hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị theo nội dung và hình thức đã chọn (hoạt động 7). + Kết quả dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo (hoạt động 8). – HS trình bày sản phẩm, kết quả hoạt động xây dựng cộng đồng (hoạt động 10). – Chia sẻ cảm xúc, bài học kinh nghiệm.	Kết quả và những bài học kinh nghiệm về hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị, hoạt động tình nguyện nhân đạo và xây dựng cộng đồng.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (2 tiết)**THI HÁT DÂN CA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

(Ví dụ minh hoạ)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/sản phẩm
<i>Mục tiêu:</i> HS có cơ hội khám phá các làn điệu dân ca của các dân tộc trên đất nước Việt Nam, khích lệ sự tự tin với bản thân, trách nhiệm với nhà trường. <i>Nội dung:</i> Các làn điệu dân ca HS sưu tầm và thể hiện. <i>Đối tượng tham gia:</i> Tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	<i>GV chuẩn bị:</i> — Thành lập Ban tổ chức: Đại diện BGH nhà trường; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; GV tổ chức chủ đề “Xây dựng cộng đồng” ở 3 khối lớp; đại diện HS các khối lớp,... — Thông báo về cuộc thi: Gửi thông báo về các lớp khối 10, 11, 12, trong đó cần nêu rõ mục tiêu, nội dung, thời gian đăng kí tiết mục, thời gian sơ khảo, chung khảo, biểu điểm chấm tiết mục, cơ cấu giải thưởng; Thành lập BGK theo thành phần do nhà trường quy định. — Tổ chức sơ khảo: BGK làm việc, chấm tiết mục của các lớp, lựa chọn các tiết mục đủ điểm quy định vào vòng chung khảo. — Tổ chức chung khảo: Ban tổ chức chuẩn bị hệ thống âm thanh, loa đài, sân khấu; Phần thưởng cho các tiết mục đạt giải. <i>HS chuẩn bị:</i> Các lớp chuẩn bị và luyện tập các làn điệu dân ca để tham gia cuộc thi. <i>Tiến trình tổ chức:</i> — Sơ khảo cuộc thi + Địa điểm: Tại sân trường/nhà đa năng. + Thời gian: 7 giờ 30 phút ngày... tháng... năm... + NDCT giới thiệu thành phần tham gia; Mục đích, nội dung, thể lệ cuộc thi, BGK, biểu điểm. + NDCT mời lần lượt các tiết mục sơ khảo. + Cuối sơ khảo, BGK tổng kết điểm, công bố các tiết mục tiếp tục vào chung khảo. — Chung khảo cuộc thi + Ban tổ chức giới thiệu đại biểu về tham dự.	— HS thể hiện được các làn điệu dân ca của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. — Tác động của các làn điệu dân ca của các dân tộc đến cảm xúc của HS giúp các em yêu thích văn hoá dân tộc.

	+ Tóm tắt kết quả sơ khảo, công bố số lượng các tiết mục chung khảo. + Giới thiệu BGK cuộc thi. + Các tiết mục dự thi. + BGK tổng kết, công bố và trao giải thưởng cho các tiết mục đạt giải, quà lưu niệm cho các tiết mục khác. + Yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc, thu hoạch của mình sau khi xem biểu diễn. – Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi thi hát dân ca + Tổng hợp thu hoạch, cảm xúc của HS sau khi xem biểu diễn để đối chiếu với mục tiêu đặt ra. + Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để những buổi tổ chức tiếp theo thành công hơn.	
--	---	--

CHỦ ĐỀ 6

(6 tiết)

CHUNG TAY GÌN GIỮ, BẢO TỒN CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN**GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 6**

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Tìm hiểu các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. 2. Tìm hiểu về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.
1 – 2	2, 3, 4 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/Rèn luyện – Vận dụng	3. Đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. 4. Đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. 5. Thực hiện tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. 6. Thực hiện các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

2	5 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	7. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 8. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
3	6 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: – Tiểu phẩm “Ngọc Hoàng du xuân”. – Giao lưu với chuyên gia về “Cảnh quan thiên nhiên Việt Nam”. – Tham gia trò chơi “Du lịch cảnh quan thiên nhiên qua màn ảnh nhỏ”. – Tham gia cuộc thi “Sáng kiến bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương”. – Thi tìm hiểu về “Cảnh quan thiên nhiên Việt Nam”. – ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương.
- Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
- Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo để gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; Năng lực giao tiếp và hợp tác với bạn bè và mọi người thông qua quá trình thực hiện các hoạt động gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc thiết kế và tổ chức truyền thông trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên; Năng lực tư duy phê phán thông qua việc nhận xét, đánh giá các hoạt động, hành vi, việc làm liên quan đến việc bảo tồn danh lam thắng cảnh ở địa phương.
- Phẩm chất yêu nước, tự hào về cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước; có trách nhiệm trong việc gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
----------	-------------------	-------------------

1. Tìm hiểu các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. * Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên em đã biết hoặc đã tham gia thực hiện. * Nhiệm vụ 2: Thảo luận, xác định các giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS nhớ lại và chia sẻ những giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên mà các em đã biết hoặc đã tham gia thực hiện. — HS suy nghĩ và viết những kinh nghiệm đã có vào SBT. — HS chia sẻ kinh nghiệm trong nhóm. — Thư kí nhóm tổng hợp những chia sẻ của các bạn trong nhóm. — Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo tổng hợp về những giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên mà các thành viên trong nhóm đã biết hoặc đã tham gia thực hiện. — GV nhận xét chung về kết quả chia sẻ kinh nghiệm của các nhóm.	Sản phẩm thảo luận của mỗi nhóm phải liệt kê được một số giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
--	---	--

	* Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS làm việc nhóm, xác định các giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. — HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao và ghi kết quả ra giấy A0. — Các nhóm trưng bày giấy A0 ghi kết quả thảo luận của nhóm lên tường lớp học. (theo Kỹ thuật Phòng tranh). — Cả lớp đi xem và ghi ý kiến nhận xét, bình luận, bổ sung lên chính sản phẩm của nhóm bạn. — Thảo luận chung về các giải pháp. — GV tổng kết các ý kiến và kết luận: Để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, có thể thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo sau: + Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trong cộng đồng về trách nhiệm tham gia giữ gìn, bảo vệ cảnh quan. + Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo tồn cảnh quan; không phát triển du lịch một cách ồ ạt, thiếu kiểm soát, không bền vững. + Tăng chế tài xử phạt những hành vi gây tổn hại đến cảnh quan. + Phát động các phong trào, chiến dịch bảo tồn cảnh quan. + Tăng cường việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, luật pháp về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. + Tổ chức các cuộc thi đề xuất các giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. + ...	
2. Tìm hiểu về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.	* Nhiệm vụ 1 — GV giao nhiệm vụ cho HS nhớ lại và chia sẻ kinh nghiệm về những hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay	Sản phẩm thảo luận của mỗi nhóm phải xác định được mục đích, đối tượng, nội dung và cách thức tuyên truyền trong

* Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên mà HS đã tham gia hoặc đã biết. * Nhiệm vụ 2: Thảo luận, xác định mục đích, đối tượng, nội dung và cách thức tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.	giữ gìn cảnh quan thiên nhiên mà HS đã tham gia hoặc đã biết: Tên hoạt động; mục đích tuyên truyền; đối tượng tuyên truyền; nội dung tuyên truyền; hình thức tuyên truyền; ... — HS suy nghĩ và viết vào SBT: Tên hoạt động tuyên truyền, mục đích tuyên truyền, đối tượng tuyên truyền, nội dung và hình thức hoạt động tuyên truyền mà các em đã tham gia hoặc đã biết. — HS chia sẻ kinh nghiệm trong nhóm. — Mỗi nhóm lựa chọn 1 ví dụ điền hình để báo cáo trước lớp. — GV mời đại diện mỗi nhóm lên chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. — Thảo luận chung. — GV nhận xét, khen những HS đã có kinh nghiệm quý về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng nói chung và hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên nói riêng. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, xác định mục đích, đối tượng, nội dung và cách thức tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. — HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ và viết kết quả ra giấy A0. — Các nhóm trưng bày kết quả thảo luận nhóm lên trên bảng. — Đại diện một nhóm trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.	cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.
--	--	---

	– GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và kết luận một số điểm quan trọng khi thiết kế hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên: + Mục đích tuyên truyền: Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và trách nhiệm chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. + Đối tượng tuyên truyền: Người dân trong cộng đồng, người thân trong gia đình, bạn bè trong trường, ngoài xã hội, trên mạng xã hội, khách du lịch. + Nội dung tuyên truyền: • Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên: Tạo ra hiệu ứng làm mát, ngăn chặn xói mòn, góp phần bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững. • Trách nhiệm chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên: Tuân thủ quy định về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; Thực hiện các hành động cụ thể giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; Tích cực tham gia các phong trào, chiến dịch bảo tồn, giữ gìn cảnh quan; Ủng hộ, cổ vũ những hành vi, việc làm giữ gìn, bảo tồn cảnh quan; Thể hiện thái độ không đồng tình, nhắc nhở hoặc báo cho người có trách nhiệm khi thấy hành vi làm tổn hại đến cảnh quan;... + Hình thức tuyên truyền: toạ đàm; thuyết trình, tuyên truyền trên bảng tin hoặc trên loa phát thanh của nhà trường, thôn bản/địa bàn dân cư; trình diễn các tiểu phẩm, bài hát, bài thơ, đọc rap về chủ đề; triển lãm tranh ảnh, áp phích; viết bài, làm phóng sự ảnh, làm video tuyên truyền trên mạng xã hội; ...	
--	--	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
3. Đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. * Nhiệm vụ 1: Lập kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. * Nhiệm vụ 2: Tiến hành đánh giá theo kế hoạch đã xây dựng.	* Nhiệm vụ 1: - GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm lập kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. - HS thảo luận nhóm: Lựa chọn danh sách các danh lam thắng cảnh ở địa phương nhóm sẽ tiến hành đánh giá; Xác định nội dung đánh giá; Lựa chọn phương pháp đánh giá; Xác định các công việc cụ thể, thời gian thực hiện mỗi công việc và sản phẩm/kết quả mong đợi,...; Hoàn thành bản kế hoạch của nhóm. - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe và góp ý kiến. - GV nhận xét về kế hoạch của từng nhóm. - Các nhóm hoàn thiện lại kế hoạch theo góp ý của thầy, cô giáo, bạn bè và ghi vào SBT. * Nhiệm vụ 2: - GV yêu cầu các nhóm tiến hành đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương theo kế hoạch đã hoàn thiện. - Các nhóm HS tiến hành đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương theo kế hoạch. - Tổng hợp các thông tin, số liệu thu thập được qua khảo sát. - Xử lý, phân tích thông tin, số liệu thu thập được từ khảo sát thực trạng. - Viết báo cáo kết quả đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh ở địa phương theo các gợi ý trong SGK. - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả khảo sát đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương của nhóm mình.	Mỗi nhóm HS cần có 2 sản phẩm là: - Một bản kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một danh lam thắng cảnh ở địa phương có đầy đủ các mục theo quy định. - Một báo cáo kết quả đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh ở địa phương.

	— Các nhóm khác lắng nghe và góp ý kiến bổ sung. — GV nhận xét về kết quả khảo sát đánh giá thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương của mỗi nhóm HS.	
4. Đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. * Nhiệm vụ 1: Đề xuất giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên trong những trường hợp cụ thể. * Nhiệm vụ 2: Lựa chọn một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và thảo luận đề xuất các giải pháp tích cực, sáng tạo để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đó. * Nhiệm vụ 3: Thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo đã đề xuất để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS đọc hai trường hợp trong SGK và đề xuất các giải pháp để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên trong những trường hợp đó. — HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ được giao. — Đại diện các nhóm báo cáo các giải pháp mà nhóm đề xuất. — Thảo luận chung về giải pháp cho mỗi trường hợp. — GV tổng kết các ý kiến và kết luận: <i>Giải pháp cho trường hợp 1:</i> + Xây kè xung quanh hồ để chống việc lấn chiếm. + Tuyên truyền, vận động người dân và các cơ sở kinh doanh, dịch vụ không được xả rác và nước thải ra hồ. + Xử lý nghiêm khắc các hành vi lấn chiếm hồ và gây ô nhiễm hồ;... <i>Giải pháp cho trường hợp 2:</i> + Xử phạt những người quản lý khu chế xuất đã làm ô nhiễm nước biển. + Yêu cầu họ phải chịu trách nhiệm khắc phục sự cố đã xảy ra. + Yêu cầu họ phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhà nước Việt Nam. + Tổ chức chiến dịch dọn sạch rác ở bãi biển. + Tuyên truyền, vận động người dân và khách du lịch vứt rác đúng nơi quy định; ... * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm lựa chọn một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và thảo luận đề xuất các giải pháp tích cực, sáng tạo để bảo tồn cảnh quan đó. Lưu ý HS: Các giải pháp đề xuất phải nhằm giải quyết	Mỗi nhóm HS cần có 3 sản phẩm, gồm: — Giải pháp để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đối với hai trường hợp cụ thể trong SGK. — Giải pháp tích cực, sáng tạo cụ thể để bảo tồn một cảnh quan thiên nhiên được lựa chọn ở địa phương. — Báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo đã đề xuất.

	những vấn đề thực tế của cảnh quan và phải khả thi, có thể thực hiện được. — HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ được giao. — Đại diện các nhóm báo cáo các giải pháp tích cực, sáng tạo mà nhóm đề xuất để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đã lựa chọn ở địa phương. — Thảo luận chung về giải pháp đề xuất của mỗi nhóm. — GV tổng kết các ý kiến, khen những nhóm đã có những giải pháp độc đáo và hiệu quả để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. * Nhiệm vụ 3: — GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS thực hiện các giải pháp mà nhóm đã đề xuất để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. — HS thực hiện các giải pháp. — Ghi chép, chụp ảnh, quay video ghi lại quá trình thực hiện. — Viết báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp. — Đại diện các nhóm trưng bày, giới thiệu kết quả thực hiện các giải pháp để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đã lựa chọn ở địa phương, có thể dưới hình thức triển lãm. — Cả lớp quan sát, lắng nghe và bình luận, nhận xét. — GV nhận xét, khen những nhóm đã thực hiện tốt các giải pháp để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	
5. Thực hiện tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên * Nhiệm vụ 1: Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.	* Nhiệm vụ 1: — GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS thảo luận, xây dựng kế hoạch hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. — HS làm việc nhóm, dựa trên kinh nghiệm mới đã thu được từ hoạt động 2 và tham khảo ví dụ minh họa ở trang 56, SGK để xây dựng kế hoạch hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.	Mỗi nhóm HS cần có 2 sản phẩm, gồm: — Một bản kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. — Một bản báo cáo kết quả thực hiện hoạt động tuyên truyền trong

* Nhiệm vụ 2: Thực hiện hoạt động tuyên truyền theo kế hoạch đã lập.	– Viết kế hoạch hoạt động đã xây dựng ra giấy A0. – Các nhóm triển lãm bản kế hoạch đã xây dựng xung quanh lớp học. – HS cả lớp đi xem và ghi ý kiến bình luận, bổ sung. – GV nhận xét về kế hoạch của mỗi nhóm. – Các nhóm hoàn thiện lại kế hoạch theo góp ý của thầy cô và bạn bè; sau đó ghi vào SBT. * Nhiệm vụ 2: – GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS tiến hành hoạt động tuyên truyền theo kế hoạch đã xây dựng. – HS các nhóm tiến hành hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay giữ gìn cảnh quan thiên nhiên theo kế hoạch. – Viết báo cáo kết quả hoạt động tuyên truyền và chụp ảnh, quay video minh chứng quá trình thực hiện hoạt động. – Đại diện các nhóm báo cáo kết quả hoạt động và các minh chứng trước lớp. – HS cả lớp bình luận, nhận xét về kết quả hoạt động tuyên truyền của nhóm bạn. – GV nhận xét kết quả hoạt động tuyên truyền của các nhóm. – Tuyên dương những nhóm đã thực hiện tốt hoạt động tuyên truyền.	cộng đồng, có kèm theo tranh ảnh, video minh họa.
Vận dụng		
6. Thực hiện các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà: + Thực hiện các việc làm cần thiết trong cuộc sống hằng ngày để giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. + Tuyên truyền tới người dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... trong cộng đồng và khách du lịch về các việc làm cần thiết để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. + Ghi lại kết quả các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương mà bản thân đã thực hiện và cảm xúc của em. – HS thực hiện những nhiệm vụ GV đã giao.	Mỗi HS cần thực hiện các việc làm cần thiết trong cuộc sống hằng ngày để giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương; Tuyên truyền, vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện và ghi chép lại kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

	– Ghi vào SBT: Kết quả thực hiện những nhiệm vụ được giao; cảm xúc của em khi thực hiện; những khó khăn đã gặp phải trong quá trình thực hiện và biện pháp vượt qua khó khăn (nếu có).	
--	--	--

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả hoạt động vận dụng	– HS báo cáo trong nhóm kết quả các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương mà bản thân đã thực hiện; cảm xúc khi thực hiện; những khó khăn đã gặp phải trong quá trình thực hiện và biện pháp vượt qua khó khăn (nếu có). – Mỗi nhóm cử một bạn báo cáo kết quả trước lớp. – GV tổ chức cho HS thảo luận, rút kinh nghiệm chung. – GV nhận xét kết quả vận dụng thực tiễn của HS trong lớp. – Tuyên dương những HS đã có những việc làm, hoạt động tích cực để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên trong thực tiễn và nhắc nhở HS cả lớp tiếp tục vận dụng những kinh nghiệm mới đã tiếp thu được từ chủ đề vào trong cuộc sống.	Kết quả các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương mà bản thân đã thực hiện và những bài học kinh nghiệm được rút ra.
2. Đánh giá cuối chủ đề	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (1 tiết)

TIỂU PHẨM “NGỌC HOÀNG DU XUÂN

(Ví dụ minh họa)

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

- HS thể hiện được những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của mình về thực trạng bảo tồn cảnh quan thiên nhiên Việt Nam; về những hành động cần thiết để gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của đất nước.
- Định hướng, tạo hứng thú cho HS trải nghiệm các hoạt động tiếp theo của chủ đề.

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Nhân dịp năm mới, Ngọc Hoàng quyết định đi du xuân. Ngọc Hoàng yêu cầu Táo Môi trường đưa đến tham quan một số cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng của Việt Nam như: Vịnh Hạ Long, Rừng Quốc gia Cúc Phương, Bãi biển Mỹ Khê, Hang Sơn Đoòng, ... Tuy nhiên khi đến nơi, Ngọc Hoàng rất ngạc nhiên và thất vọng khi thấy một vài cảnh quan không còn giữ được vẻ đẹp tự nhiên như xưa. Ngọc Hoàng yêu cầu Táo Môi trường cho gọi các vị thần trông giữ các cảnh quan này đến để hỏi cho rõ. Khi đến trình diện, những vị thần này đã tâm với Ngọc Hoàng về những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ du lịch; những hành vi, thói quen sinh hoạt của người dân địa phương;... đã tác động tiêu cực đến cảnh quan như thế nào. Ngọc Hoàng liền quay sang chất vấn Táo Môi trường tại sao lại để các cảnh quan thiên nhiên bị tác động tiêu cực như vậy... Táo Môi trường đã tâm với Ngọc Hoàng về các giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đã và đang được thực hiện ở hạ giới. Nghe xong, Ngọc Hoàng đưa ra một số nhận xét và nhắc nhở Táo Môi trường cùng các vị thần cần phải tăng cường tuyên truyền, vận động mọi người dân thực hiện trách nhiệm gìn giữ, bảo tồn để các cảnh quan thiên nhiên luôn giữ được vẻ đẹp tự nhiên vốn có.	– NDCT tuyên bố lí do và giới thiệu chủ đề tiểu phẩm. – Trình diễn một số tiết mục văn nghệ ca ngợi vẻ đẹp của các cảnh quan thiên nhiên Việt Nam. – Trình diễn tiểu phẩm theo kịch bản đã xây dựng. – Thảo luận, chia sẻ cảm nhận sau khi xem tiểu phẩm. – Kết thúc chương trình: + NDCT cảm ơn sự tham gia của khán giả. + Cùng các “diễn viên” giơ lên cao mỗi người một tấm bìa trên có một từ, để ghép thành một thông điệp kêu gọi mọi người hãy chung tay gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. + Tất cả mọi người cùng khoác tay nhau và hát bài hát “Điều đó tùy thuộc hành động của bạn”, sáng tác: Vũ Kim Dung.	– HS tham gia trình diễn/xem tiểu phẩm. – Tích cực thể hiện hiểu biết của bản thân về những vấn đề mà tiểu phẩm đặt ra.

CHỦ ĐỀ 7

(9 tiết)

BẢO VỆ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 7

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Nhận diện hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.

1 – 3	2, 3, 4, 5, 6, 7 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/ Rèn luyện – Vận dụng	2. Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. 3. Nhận xét, đánh giá những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. 4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. 5. Tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. 6. Lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương.
3	8 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/ thảo luận/ đánh giá	10. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 11. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
3	9 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Triển lãm về thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật. — Triển lãm về bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. — Tuyên truyền biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. — ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Lập và thực hiện được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương.
- Thực hiện và tuyên truyền đến người thân, cộng đồng các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.
- Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc thực hiện hoạt động khảo sát thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật và tuyên truyền bảo vệ thế giới tự nhiên; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc đề xuất và thực hiện các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật; qua việc tuyên truyền bảo vệ thế giới động, thực vật.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc lập kế hoạch khảo sát thế giới động, thực vật; lập kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật; Năng lực tư duy phê phán thông qua việc nhận xét, đánh giá các hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã; trong việc phân tích kết quả khảo sát thực trạng biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.

– Phẩm chất trách nhiệm trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã; trong việc bảo vệ thế giới động, thực vật.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Nhận diện hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức để bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 2: Chỉ ra những hành vi, việc làm để bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã trong trường hợp cụ thể.	* Nhiệm vụ 1: – GV yêu cầu các nhóm dựa vào những gợi ý trong SGK thảo luận bổ sung các hành vi, việc cần làm để bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. – GV có thể phân công một số nhóm thảo luận, bổ sung các hành vi, việc làm để bảo tồn thế giới tự nhiên; những nhóm còn lại thảo luận bổ sung các hành vi, việc làm để bảo tồn động vật hoang dã. – HS làm việc theo nhóm, viết các hành vi, việc làm theo chủ đề lên các tờ giấy A0. – GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung ý kiến hoặc nêu thêm những hành vi, việc làm bảo tồn chưa được nêu hoặc đặt câu hỏi nếu ý kiến của nhóm khác chưa chính xác. – GV nhận xét phần chia sẻ hoặc góp ý của các nhóm. – GV tổng hợp kết quả các nhóm đã chia sẻ.	HS nêu được những hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.

	* Nhiệm vụ 2: Chỉ ra những hành vi, việc làm đe bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã trong trường hợp cụ thể. — GV yêu cầu nhóm HS đọc và phân tích 3 trường hợp về bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã trong SGK, tìm và liệt kê những hành vi, việc làm đe bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. — Từng nhóm HS đọc các trường hợp và tìm những hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. — GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung ý kiến hoặc nêu thêm những hành vi, việc làm bảo tồn chưa được nêu hoặc đặt câu hỏi (nếu ý kiến của nhóm khác chưa chính xác). — GV cùng HS chốt lại những hành vi, việc làm nhằm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. <i>Trường hợp 1:</i> Thu nhặt hạt giống cây quý hiếm, gieo hạt và trồng cây con vào rừng. <i>Trường hợp 2:</i> Tuyên truyền thuyết phục các gia đình giao nộp gấu nuôi vào Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã; cứu chữa phục hồi và dạy cách thích nghi với môi trường tự nhiên; thả về với tự nhiên. <i>Trường hợp 3:</i> Thuyết phục người dân chấm dứt việc khai thác cây bừa bãi; tổ chức du lịch sinh thái tại địa phương. — GV yêu cầu HS ghi kết luận vào SBT.	
--	---	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
2. Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. * Nhiệm vụ 1: Thảo luận xác định nội dung, phương pháp khảo sát thực trạng thế giới	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS thảo luận xác định nội dung, phương pháp khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và hành vi, việc làm bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương theo các gợi ý: + Nội dung khảo sát: Những loài động/thực vật nào hiện có ở địa phương?	HS lập, thực hiện được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương theo nhóm và báo cáo được kết quả thực hiện.

động, thực vật và hành vi, việc làm bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. * Nhiệm vụ 2: Lựa chọn một loài thực vật hoặc động vật ở địa phương và lập kế hoạch khảo sát thực trạng. * Nhiệm vụ 3: Thực hiện kế hoạch khảo sát đã xây dựng.	• Chúng sinh sống ở những vùng nào? • Có bao nhiêu cá thể/loài sống tại địa phương? • Hiện nay, việc bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương được thực hiện như thế nào? • Em có nhận xét gì về hành vi, việc làm bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương? + Phương pháp khảo sát: • Quan sát: Quan sát cái gì? Quan sát như thế nào? Sử dụng những phương tiện quan sát nào? Định lượng như thế nào? • Phỏng vấn: Phỏng vấn ai? Câu hỏi phỏng vấn như thế nào? Ghi chép câu trả lời phỏng vấn như thế nào? • Khảo cứu: Khảo sát những nguồn tài liệu nào? Tên tổ chức, tên sách báo, tên trang web liên quan. Những thông tin nào cần quan tâm ghi chép?... – HS làm việc nhóm, thảo luận lựa chọn nội dung, phương pháp khảo sát thế giới động, thực vật và hành vi, việc làm bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. – GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung ý kiến (nếu có) và tổng hợp thành một bản nếu có chung nội dung khảo sát với nhóm bạn. – GV cùng HS tổng hợp thành bảng hướng dẫn khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. * Nhiệm vụ 2: – GV yêu cầu HS là việc theo nhóm, lựa chọn một vài loài động hoặc thực vật tại địa phương để lập kế hoạch khảo sát. – Từng nhóm HS thảo luận để lập kế hoạch khảo sát thực trạng theo gợi ý ở trang 61 – 62, SGK. Lưu ý HS làm chi tiết các nội dung kế hoạch, ví dụ phiếu quan sát, phiếu phỏng vấn, các nguồn khảo cứu tư liệu. – Từng nhóm trình bày kế hoạch khảo sát thực trạng, tính khả thi của kế hoạch. Các nhóm khác góp ý hoặc đặt câu hỏi nếu còn băn khoăn.	
---	---	--

	— GV nhận xét về kế hoạch của từng nhóm. — Các nhóm hoàn thiện kế hoạch khảo sát theo góp ý đã nhận được. * Nhiệm vụ 3: — GV yêu cầu các nhóm tiến hành khảo sát thực trạng thể giới động vật hoặc thực vật và bảo vệ thể giới động, thực vật theo kế hoạch đã xây dựng. — HS thực hiện khảo sát theo kế hoạch đã xây dựng, thu thập kết quả khảo sát và phân tích kết quả khảo sát đã thu được. — Viết báo cáo kết quả khảo sát theo gợi ý sau: <i>Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng cây/con... và bảo vệ cây/con... tại địa phương</i> <i>Nhóm khảo sát: ... Thời gian khảo sát: ... Địa điểm khảo sát: ...</i> 1. <i>Đặt vấn đề: Vì sao cần khảo sát thực trạng cây/con đó?</i> 2. <i>Thực trạng cây/con...</i> + <i>Số lượng: ...</i> + <i>Điều kiện phát triển: ...</i> + <i>Nhận xét: ...</i> + <i>Phân tích nguyên nhân: ...</i> 3. <i>Thực trạng bảo vệ cây/con...</i> + <i>Hành vi, việc làm tác động xấu đến cây/con...</i> + <i>Hành vi, việc làm bảo vệ cây/con...</i> + <i>Nhận xét...</i> + <i>Phân tích nguyên nhân...</i> 4. <i>Biện pháp bảo vệ cây/con...</i> 5. <i>Kết luận</i> — <i>Các nhóm trình bày kết quả khảo sát.</i> — <i>Các nhóm khác góp ý hoặc đặt câu hỏi với nhóm trình bày.</i> — <i>GV nhận xét về kết quả khảo sát, về tinh thần làm việc trong quá trình khảo sát của các nhóm.</i>	
--	--	--

3. Nhận xét, đánh giá những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 1: Xác định những tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 2: Sưu tầm, tìm hiểu các hành vi, việc làm của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 3: Nhận xét, đánh giá những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân đã sưu tầm được trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, liệt kê danh sách những tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. GV nên yêu cầu HS cần chuẩn bị và tìm hiểu trước về vấn đề này. GV phân công một số nhóm tìm hiểu các tổ chức bảo tồn thế giới tự nhiên, một số nhóm tìm hiểu các tổ chức bảo tồn động vật hoang dã. — HS làm việc nhóm theo nhiệm vụ được giao: Tìm hiểu qua trang web, báo giấy, báo mạng và lập danh sách những tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã đã tìm hiểu được trên drive để cùng theo dõi và bổ sung. — GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung những tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia hoạt động bảo tồn. — GV tổng kết kết quả thảo luận của HS và kết luận: + Những tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên: Cán bộ kiểm lâm, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam WWF, Ban quản lí di tích và vườn quốc gia Yên Tử, Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên và Phát triển, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, Trung tâm Giáo dục thiên nhiên EVN, Ban quản lí các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam... + Những tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn động vật hoang dã: Cán bộ kiểm lâm, Cán bộ kiểm ngư, Trung tâm Bảo tồn động vật hoang dã, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam WWF, Trung tâm Bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam (Save Vietnam's Wildlife – SVW), Trung tâm Giáo dục thiên nhiên EVN, Ban quản lí các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam...	— Các nhóm HS kẻ được tên một số tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. — Liệt kê và nhận xét, đánh giá được những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.
--	---	--

	* Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu nhóm HS sưu tầm những hành vi, việc làm của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. GV nên yêu cầu HS chuẩn bị và tìm hiểu trước về vấn đề này. GV có thể phân công một số nhóm tìm hiểu hành vi, việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên của các tổ chức, cá nhân; một số nhóm khác tìm hiểu việc làm, hành vi bảo tồn động vật hoang dã. — HS làm việc nhóm theo nhiệm vụ được giao: Tìm hiểu qua trang web, báo giấy, báo mạng và liệt kê những hành vi, việc làm của những tổ chức và cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã đã tìm hiểu được trên drive để cùng theo dõi và bổ sung. — GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả sưu tầm, tìm hiểu của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung những hành vi, việc làm khác của tổ chức, cá nhân phù hợp và không phù hợp để bảo tồn (nếu có). — GV cùng HS tổng hợp những hành vi, việc làm của những tổ chức, cá nhân tham gia bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. * Nhiệm vụ 3: — GV yêu cầu nhóm HS phân loại những hành vi, việc làm các em đã sưu tầm theo tiêu chí phù hợp và không phù hợp của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã; giải thích lí do phù hợp hay không phù hợp. — HS làm việc nhóm để phân loại hành vi, việc làm phù hợp hay không phù hợp, lí do hoặc tác động của những hành vi, việc làm đó. — GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ kết quả phân loại hành vi, việc làm của nhóm mình. Những nhóm khác bổ sung ý kiến, nếu có. — GV nhận xét về kết quả thảo luận của các nhóm và kết luận về những hành vi, việc làm của những tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã (xem kết luận ở trang 135, SGK HĐTN, HN 12)	
--	---	--

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. * Nhiệm vụ 1: Thảo luận lựa chọn biện pháp phù hợp để bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương và lập kế hoạch để thực hiện biện pháp đó. * Nhiệm vụ 2: Thực hiện kế hoạch bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương bằng biện pháp cụ thể đã lựa chọn và báo cáo kết quả thực hiện.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu từng nhóm HS lựa chọn một biện pháp đã đề xuất trong báo cáo khảo sát thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương để lập kế hoạch thực hiện biện pháp đó. — Từng nhóm HS thảo luận, lựa chọn một biện pháp phù hợp, lập kế hoạch để thực hiện biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật đã đề xuất đó. — Các nhóm trình bày kế hoạch thực hiện biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật đã đề xuất. — Các nhóm khác góp ý hoặc đặt câu hỏi với nhóm trình bày. — GV góp ý hoặc tư vấn để nhóm HS hoàn thiện kế hoạch. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu các nhóm chủ động thực hiện kế hoạch đã lập. — Các nhóm thực hiện biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật theo kế hoạch đã lập. — Phân tích, đánh giá kết quả nhóm thực hiện được. — Các nhóm báo cáo, chia sẻ kết quả thực hiện kế hoạch dưới dạng báo cáo, tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ. — GV nhận xét kết quả thực hiện biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật của từng nhóm; kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề nảy sinh khi thực hiện kế hoạch cũng như giữa các thành viên nhóm trong quá trình thực hiện.	Nhóm HS lựa chọn được một số biện pháp phù hợp để bảo vệ thế giới động, thực vật; lập được kế hoạch thực hiện các biện pháp đó và thực hiện được kế hoạch hoạt động bảo vệ thế giới động, thực vật bằng một số biện pháp đã lựa chọn.
5. Tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. * Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những hoạt động tuyên truyền bảo vệ thế giới động, thực vật mà em đã tham gia hoặc đã biết. * Nhiệm vụ 2: Lựa chọn và thiết kế các hoạt động để	* Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những hoạt động tuyên truyền bảo vệ thế giới động, thực vật mà em đã tham gia hoặc đã biết. — GV yêu cầu HS thảo luận nhóm chia sẻ những hoạt động tuyên truyền bảo vệ thế giới động, thực vật mà em đã tham gia hoặc đã biết. — HS làm việc theo nhóm dưới những hình thức gợi ý sau: dạng trò chơi trên Quizizz, hoặc viết hoạt động tuyên truyền bảo vệ thế giới động, thực vật đã tham gia hoặc đã biết vào giấy.	HS thực hiện được một số hoạt động tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật theo cá nhân/nhóm.

tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật đến người thân và cộng đồng. * Nhiệm vụ 3: Thực hiện các hoạt động đã thiết kế để tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật đến người thân, cộng đồng và báo cáo kết quả.	— GV mời đại diện từng nhóm chia sẻ trải nghiệm của nhóm mình. — Những nhóm khác bổ sung ý kiến hoặc nêu thêm hoạt động tuyên truyền đã biết hoặc đặt câu hỏi/điều chỉnh, bổ sung nếu ý kiến của nhóm khác chưa rõ/chưa đầy đủ, chưa chính xác. — GV nhận xét phần chia sẻ trải nghiệm của các nhóm về hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu từng nhóm HS lựa chọn một biện pháp (tham khảo gợi ý trong SGK) để thiết kế hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật đến người thân và cộng đồng. — Từng nhóm HS thảo luận thiết kế hoạt động để tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật đến người thân và cộng đồng. — Các nhóm trình bày thiết kế hoạt động tuyên truyền. Các nhóm khác góp ý hoặc đặt câu hỏi với nhóm trình bày. — GV nhận xét về ưu, nhược điểm của những bản thiết kế hoạt động tuyên truyền của từng nhóm. — Các nhóm hoàn thiện thiết kế hoạt động theo ý kiến tư vấn của GV. * Nhiệm vụ 3: — GV yêu cầu các nhóm chủ động thực hiện các hoạt động đã thiết kế. — Các nhóm thực hiện hoạt động tuyên truyền đã dự định. — Các nhóm phân tích, đánh giá kết quả việc thực hiện hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật và rút kinh nghiệm. — Các nhóm báo cáo, chia sẻ kết quả thực hiện hoạt động tuyên truyền thông qua ảnh, đoạn phim ngắn, kết quả phỏng vấn. — GV nhận xét kết quả thực hiện hoạt động tuyên truyền biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật của từng nhóm và kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm,	
---	---	--

	giải quyết vấn đề nảy sinh khi thực hiện hoạt động cũng như giữa các thành viên nhóm trong quá trình hoạt động.	
Vận dụng		
6. Lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ thể giới động, thực vật tại địa phương.	- GV yêu cầu HS lựa chọn, đưa ra ý tưởng hoạt động bảo vệ thể giới động, thực vật hoặc bảo tồn động vật hoang dã tại địa phương. - HS chia sẻ các ý tưởng hoạt động bảo vệ thể giới động, thực vật hoặc bảo tồn động vật hoang dã tại địa phương. - Thành lập các nhóm mới bao gồm những HS có cùng ý tưởng hoạt động. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm mới thành lập xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ thể giới động, thực vật tại địa phương theo ý tưởng hoạt động của nhóm. - Các nhóm HS thảo luận để lập kế hoạch thực hiện ý tưởng hoạt động bảo vệ thể giới động, thực vật hoặc bảo tồn động vật hoang dã tại địa phương. - Các nhóm thực hiện kế hoạch đã lập.	HS lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ thể giới động, thực vật ở địa phương.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả hoạt động vận dụng.	- Các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động bảo vệ thể giới động, thực vật. - GV cho HS thảo luận, rút kinh nghiệm chung. - GV nhận xét, đánh giá kết quả vận dụng của các nhóm, đánh giá những tác động từ hoạt động của HS. - Tuyên dương những HS đã tích cực tham gia hoạt động bảo vệ thể giới tự nhiên trong thực tiễn và nhắc nhở các em tiếp tục vận dụng những kinh nghiệm mới vào hoạt động bảo tồn thể giới tự nhiên và động vật hoang dã, bảo vệ thể giới động, thực vật.	Các nhóm HS báo cáo cụ thể và trung thực về kết quả hoạt động bảo vệ thể giới động, thực vật đã thực hiện.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo 10 tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

	– Xin ý kiến nhận xét của gia đình (có thể tham khảo Phiếu nhận xét ở trang 139, SGK). – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của nhóm HS, nhận xét của cha mẹ HS, kết hợp với kết quả đánh giá của bản thân trên cơ sở quan sát các hoạt động của HS và nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS để từ đó đưa ra đánh giá cuối cùng.	
--	--	--

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (1 tiết)

TRIỂN LÃM VỀ THỰC TRẠNG BẢO VỆ THẾ GIỚI ĐỘNG, THỰC VẬT

(Ví dụ minh họa)

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
HS triển lãm kết quả khảo sát của nhóm, lớp mình về thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật.	<i>GV chuẩn bị:</i> – Thành lập Ban tổ chức triển lãm về chủ đề “Thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật” dành cho HS lớp 12. Ban tổ chức triển lãm gồm đại diện BGH nhà trường, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, GV phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đại diện HS khối lớp 12. – Thông báo tới HS lớp 12 về nội dung triển lãm, thể thức nhận sản phẩm triển lãm (kích thước, hình thức, nội dung sản phẩm, thời gian nộp sản phẩm, nội dung bài thuyết trình kèm theo, nơi nhận sản phẩm). – Phân chia khu vực trưng bày sản phẩm triển lãm. – Tiếp nhận sản phẩm triển lãm, duyệt, chọn lọc sản phẩm đạt yêu cầu trưng bày. – Tổ chức trưng bày sản phẩm. – Chuẩn bị loa đài, hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động. <i>HS chuẩn bị:</i> – Viết bài truyền thông giới thiệu các sản phẩm triển lãm và đăng tải trên hệ thống truyền thông của nhà trường. – Trang trí không gian triển lãm của nhóm/lớp và trưng bày tranh, ảnh, video clip, bài báo, pano, áp phích,...	HS trưng bày, giới thiệu được các hình ảnh, video, sơ đồ, biểu đồ về kết quả khảo sát thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật.

	– Phân công người thuyết trình, giới thiệu sản phẩm của lớp. <i>Tiến hành triển lãm:</i> – Các lớp trưng bày kết quả khảo sát thực trạng bảo vệ thể giới động, thực vật tại khu vực được phân công. – Ban tổ chức giới thiệu về chủ đề triển lãm “Thực trạng bảo vệ thể giới động, thực vật”. – HS các lớp tham quan các gian triển lãm và lắng nghe đại diện của lớp thuyết trình giới thiệu sản phẩm triển lãm. – Người xem có thể đặt câu hỏi để tìm hiểu sâu hơn về sản phẩm triển lãm, bình luận, góp ý về nội dung, hình thức trình bày, về cách thuyết trình sản phẩm triển lãm. <i>Kết thúc:</i> – Đại diện Ban tổ chức cảm ơn các lớp đã nhiệt tình tham gia triển lãm và nhấn mạnh những việc làm tốt bảo vệ thể giới động, thực vật; nêu hậu quả của những việc làm tác động xấu đến thể giới động, thực vật.	
--	--	--

CHỦ ĐỀ 8

(12 tiết)

NGHỀ NGHIỆP VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 8

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1, 2 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối.	1. Tìm hiểu về xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. 2. Xác định những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. 3. Tìm hiểu biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc. 4. Tìm hiểu yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

1 – 3	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/Rèn luyện – Vận dụng	5. Rèn luyện tính chuyên nghiệp trong công việc. 6. Đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. 7. Phân tích những yêu cầu đối với nghề trong xã hội hiện đại mà em quan tâm. 8. Thực hành phân tích thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. 9. Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp.
4	11 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	10. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 11. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
4	12 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: – Nghe nói chuyện về xã hội hiện đại và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. – Thi tìm hiểu về một số nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại. – Giao lưu với chuyên gia hướng nghiệp, với các nhà tuyển dụng lao động về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động ở địa phương, trong nước và trên thế giới. – ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Trình bày được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.
- Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.
- Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc, đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.
- Phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc đề xuất cách ứng xử thể hiện tính chuyên nghiệp trong một số tình huống cụ thể; thông qua việc đề xuất cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp của bản thân đối với nghề mình quan tâm và thông qua việc đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp cho người lao động trong một số tình huống cụ thể; Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tự tin tham gia trải nghiệm nghề nghiệp.
- Năng lực đặc thù: Năng lực hướng nghiệp thông qua việc phân tích xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại; thông qua việc phân tích thị trường lao động và nhu cầu

sử dụng của thị trường lao động; thông qua việc xác định những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người lao động trong xã hội hiện đại, những yêu cầu về tính chuyên nghiệp, về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

– Phẩm chất: Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu về xu hướng phát triển nghề nghiệp và yêu cầu đối với người lao động trong xã hội hiện đại.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Tìm hiểu về xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. * Nhiệm vụ 1: Chơi trò chơi “Thi tiếp sức ghi tên các nghề”. * Nhiệm vụ 2: Thảo luận, phân tích xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.	* Nhiệm vụ 1: – GV hướng dẫn cách chơi và luật chơi: + Chia lớp thành khoảng 3 – 4 đội chơi, mỗi đội khoảng 6 – 8 em, đứng thành các hàng dọc, hướng lên bảng, đứng vị trí phần bảng của đội mình. + Các thành viên của mỗi đội sẽ tiếp sức nhau lên ghi tên các nghề trên phần bảng dành cho đội mình. Người trước ghi xong, quay về chỗ, chuyển phần cho người kế tiếp. Lưu ý: Tên các nghề mà mỗi đội ghi được phải chính xác và không trùng lặp.	– HS kể tên được một số nghề/lĩnh vực nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại. – Nêu được những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.

	+ Sau thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nghề nhất, đội đó sẽ thắng cuộc. — Cử HS làm quản trò. — Phân công phần bảng để ghi tên nghề cho các đội chơi. — Thành lập các đội chơi. — Các đội chơi đứng thành hàng dọc theo quy định và tiến hành chơi theo hiệu lệnh của quản trò. — Quản trò cùng cả lớp đánh giá kết quả chơi của mỗi đội. — Công bố đội giành được thắng lợi trong cuộc chơi. — GV nhận xét chung và kết luận: Có rất nhiều nghề trong xã hội. Tuy nhiên, có những nghề sẽ ngày càng phát triển và một số nghề sẽ bị mai một và biến mất trong xã hội hiện đại. Vậy những yếu tố nào sẽ ảnh hưởng đến xu hướng phát triển nghề trong xã hội hiện đại? Những nghề nào sẽ phát triển và những nghề nào có nguy cơ mai một? * Nhiệm vụ 2: — GV giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận theo các nội dung sau: + Những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. + Những nghề/lĩnh vực nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại. + Những nghề có xu hướng dần bị mai một, không tồn tại trong xã hội hiện đại. — Các nhóm HS thảo luận, ghi kết quả vào tờ A0 dưới các hình thức khác nhau. — Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. — Thảo luận chung cả lớp. — GV tổng kết các ý kiến và kết luận: + Những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại: • Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ. • Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội.	
--	---	--

	• Chất lượng cuộc sống ngày càng cao của người dân. • Áp lực tâm lí đối với con người trong xã hội hiện đại. • Cạnh tranh gia tăng và mong muốn tìm ra những cách thức mới để khác biệt hoá sản phẩm và dịch vụ của các doanh nghiệp. • Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đang là vấn đề sống còn của nhân loại. • ... + Những lĩnh vực nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại: • Lĩnh vực Chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt là bác sĩ nha khoa, bác sĩ u bướu, bác sĩ tim mạch, điều dưỡng viên. • Lĩnh vực Công nghệ thông tin, đặc biệt là ngành An ninh mạng và phát triển phần mềm. • Lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo. • Lĩnh vực Năng lượng thay thế (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, điện địa nhiệt,...). • Lĩnh vực Tâm lí. + Lĩnh vực Marketing. • Lĩnh vực Sáng tạo nội dung. • ... + Một số nghề có xu hướng dần bị mai một, không tồn tại trong xã hội hiện đại: nhân viên giao dịch ngân hàng, nhân viên thu ngân, nhân viên bán hàng tại cửa hàng, lái xe tắc xi truyền thống, đại lí du lịch, ... – GV yêu cầu HS ghi kết quả hoạt động 1 vào SBT.	
2. Xác định những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. * Nhiệm vụ 1: Xác định những phẩm chất, năng lực cần có đối với người lao động làm một số nghề cụ thể trong xã hội hiện đại.	* Nhiệm vụ 1: — GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm lựa chọn một nghề trong xã hội hiện đại và tìm hiểu, xác định những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động làm nghề đó. — GV có thể làm những chiếc thăm, trên mỗi thăm có ghi tên 1 nghề trong xã hội hiện đại và yêu cầu mỗi nhóm HS cử một đại diện lên bốc thăm. Hoặc GV cũng có thể chia nhóm gồm những HS có cùng sở thích với một nghề nào đó.	HS xác định được phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.

* Nhiệm vụ 2: Thảo luận, xác định những phẩm chất, năng lực đối với người lao động trong xã hội hiện đại.	— GV hướng dẫn HS có thể tìm hiểu những thông tin này qua các tài liệu hướng nghiệp, qua trò chuyện, phỏng vấn những người làm nghề,... — Các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao và viết kết quả ra giấy A1/A2. — Các nhóm trưng bày kết quả thảo luận. — GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm; có thể bổ sung thêm những phẩm chất, năng lực của người lao động làm một số nghề, nếu HS liệt kê còn thiếu. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS cả lớp cùng quan sát kết quả thảo luận của các nhóm (ở nhiệm vụ 1), tìm ra những yêu cầu chung về phẩm chất, năng lực đã có giữa các nghề. Sau đó thảo luận để bổ sung thêm những phẩm chất, năng lực cần thiết khác đối với người lao động trong xã hội hiện đại. — Cả lớp, dưới sự hướng dẫn của GV cùng đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 của các nhóm và tìm ra những yêu cầu chung về phẩm chất, năng lực. — Các nhóm HS tiếp tục thảo luận để bổ sung những yêu cầu về phẩm chất, năng lực khác. — GV mời một nhóm trình bày kết quả. — Các nhóm khác nhận xét, bổ sung những phẩm chất, năng lực còn thiếu. — GV nhận xét chung về kết quả làm việc của các nhóm và kết luận: Người lao động trong xã hội hiện đại cần có những phẩm chất, năng lực sau: + Phẩm chất: trung thực; trách nhiệm; kỉ luật; ham học hỏi; tự tin, dám nghĩ, dám làm; chăm chỉ, kiên trì; vượt khó; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt;... + Năng lực: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự chủ, tự học, thích ứng, làm chủ công nghệ, ngoại ngữ,... — GV yêu cầu HS ghi kết luận hoạt động 2 vào SBT.	
3. Tìm hiểu biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS tự nghiên cứu cá nhân về hai trường hợp trong SGK; sau đó thảo luận nhóm, chỉ ra những	HS xác định được những biểu hiện đặc trưng của tính chuyên

* Nhiệm vụ 1: Chỉ ra tính chuyên nghiệp của người lao động trong một số trường hợp. * Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về những người lao động có tính chuyên nghiệp trong công việc mà bản thân biết. * Nhiệm vụ 3: Thảo luận xác định các biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc.	biểu hiện về tính chuyên nghiệp của nhân vật trong mỗi trường hợp. — HS nghiên cứu cá nhân hai trường hợp trong SGK. — Thảo luận nhóm tìm biểu hiện về tính chuyên nghiệp của nhân vật trong mỗi trường hợp. — GV mời đại diện một nhóm báo cáo kết quả thảo luận trường hợp 1; một nhóm khác báo cáo kết quả thảo luận trường hợp 2. — Các nhóm khác bổ sung ý kiến. — GV tổng kết ý kiến của các nhóm và kết luận về biểu hiện tính chuyên nghiệp của nhân vật trong mỗi trường hợp: + <i>Biểu hiện tính chuyên nghiệp của bác sĩ Hùng trong trường hợp 1:</i> Kiến thức, kỹ năng chuyên môn giỏi; Khả năng độc lập giải quyết vấn đề; Tận tâm, nghiêm túc, có trách nhiệm, kỉ luật; Nhân ái, yêu thương bệnh nhân, vì lợi ích của bệnh nhân; Luôn tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn. + <i>Biểu hiện tính chuyên nghiệp của chị Nga trong trường hợp 2:</i> Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tốt; Luôn chăm sóc bản thân để tạo sự tin tưởng và nâng cao hình ảnh của bản thân trước khách hàng; Kỹ năng giao tiếp với khách hàng tốt; Quan tâm đến quyền lợi của khách hàng; Khả năng giải quyết vấn đề linh hoạt. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS chia sẻ ví dụ thực tế về người lao động có tính chuyên nghiệp mà các em đã biết hoặc đã nghe kể. — HS chia sẻ theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. — GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp. — GV nhận xét về các ví dụ thực tế mà HS đã chia sẻ. — GV có thể giới thiệu thêm với HS một vài ví dụ thực tế khác mà bản thân đã chuẩn bị. * Nhiệm vụ 3: — GV yêu cầu HS dựa trên kết quả nhiệm vụ (1) và (2), thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ để xác định	ng nghiệp trong công việc.
---	--	-----------------------------------

	các biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc. — HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ. — GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp. — GV tổng hợp các ý kiến của HS và kết luận về các biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc: + Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn sâu. + Có đạo đức nghề nghiệp. + Tinh thần trách nhiệm cao. + Phong cách làm việc chủ động, linh hoạt, tận tâm, nghiêm túc. + Có khả năng độc lập, chủ động giải quyết vấn đề phát sinh. + Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp. + Có kỹ năng hợp tác với đồng nghiệp trong công việc. + Luôn học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn. — GV yêu cầu HS ghi kết quả hoạt động 3 vào SBT.	
4. Tìm hiểu yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. * Nhiệm vụ 1: Xác định yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với một nghề cụ thể. * Nhiệm vụ 2: Thảo luận những quy định chung về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. * Nhiệm vụ 3: Chia sẻ những trường hợp thực hiện hoặc không thực hiện yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp mà em biết.	* Nhiệm vụ 1: — GV chia HS thành các nhóm có cùng nghề các em quan tâm. — Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm sưu tầm, tìm hiểu những yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của nghề mà nhóm đang quan tâm; sau đó, trình bày kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn, dưới các hình thức khác nhau. — HS làm việc nhóm và ghi kết quả sưu tầm, tìm hiểu được về những yêu cầu đối với việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của nghề mà nhóm quan tâm. — Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. — Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi và bình luận. — GV nhận xét chung về kết quả làm việc của các nhóm và kết luận: Bất cứ nghề nào cũng có những quy định để đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.	HS sưu tầm và trình bày được một số quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và ý nghĩa, tầm quan trọng của các quy định đó.

	* Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu các nhóm: Tìm kiếm thông tin về những quy định chung về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo nội dung và nguồn thông tin đã gợi ý trong SGK. Sau đó ghi kết quả tìm hiểu được ra giấy A0. — HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao. — GV mời một nhóm trình bày kết quả thảo luận về quy định đối với người sử dụng lao động và một nhóm trình bày quy định đối với người lao động. — Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. — GV nhận xét chung về kết quả làm việc của các nhóm và kết luận: Để đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động, pháp luật Việt Nam đã đề ra một số quy định chung như: <i>Quy định đối với người sử dụng lao động:</i> + Phải đảm bảo môi trường làm việc đáp ứng các tiêu chuẩn cần thiết, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; đề ra các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động. + Phải đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của người lao động và môi trường (bằng cách tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động) khi xây dựng mới hoặc cải tạo các cơ sở mới hoặc khi mua sắm các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động. + Phải bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, sức nóng, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung và các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và các yếu tố đó phải được định kì kiểm tra, đo lường. + Phải đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động đã được công bố và áp dụng; phải kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; định kì kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng.	
--	--	--

	+ Phải cử người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động. Đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực có nhiều nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và sử dụng từ 10 lao động trở lên, người sử dụng lao động phải cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động trước tiên phải được huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động. + Có nghĩa vụ xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động. + Trang bị miễn phí các thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động. + Tổ chức hướng dẫn để người lao động sử dụng thành thạo các phương tiện bảo hộ cá nhân thích hợp và phải giám sát chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện này. + ... <i>Quy định đối với người lao động:</i> + Chấp hành các quy định, quy trình, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao. + Sử dụng và bảo dưỡng các thiết bị bảo vệ cá nhân đã được trang cấp. + Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm. + Tham gia cấp cứu và khắc phục sự cố, tai nạn lao động khi có yêu cầu của người sử dụng lao động. + ... – GV yêu cầu HS ghi kết luận nhiệm vụ 2 vào SBT. * Nhiệm vụ 3: – GV yêu cầu HS liên hệ thực tế về những trường hợp thực hiện hoặc không thực hiện yêu cầu về an toàn	
--	--	--

	và sức khoẻ nghề nghiệp mà em biết và chia sẻ theo cặp hoặc trong nhóm nhỏ. — GV lưu ý HS cần nêu rõ hậu quả mà người lao động/người sử dụng lao động phải gánh chịu khi không thực hiện những quy định này. — HS làm việc cá nhân, nhớ lại những trường hợp mình đã chứng kiến/đã nghe kể/đã đọc trên báo, trên mạng/đã xem trên ti vi, trên mạng xã hội. — HS chia sẻ theo cặp/trong nhóm nhỏ. — GV mời một vài HS chia sẻ ví dụ thực tế trước lớp. — GV nhận xét về những trường hợp thực tế mà HS đã chia sẻ và kết luận: + Việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp giúp bảo vệ sức khoẻ, tính mạng cho người lao động; giúp tăng năng suất lao động và giảm chi phí phát sinh cho người sử dụng lao động. + Ngược lại, nếu không thực hiện các quy định về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, người lao động sẽ có nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp, bị tai nạn ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính mạng; Năng suất lao động xã hội bị giảm sút; Người sử dụng lao động cũng sẽ phải tốn kém kinh phí đền bù cho người lao động, phải nộp phạt,... — GV yêu cầu HS ghi kết luận nhiệm vụ 3 vào SBT.	
--	---	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
5. Rèn luyện tính chuyên nghiệp trong công việc. * Nhiệm vụ 1: Thảo luận, đề xuất cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp trong công việc của người lao động trong một số tình huống.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS tự nghiên cứu hai tình huống trong SGK. Sau đó thảo luận đề xuất cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp của người lao động trong tình huống. Lưu ý: GV có thể phân công HS thảo luận giải quyết cả hai tình huống hoặc mỗi nhóm HS chỉ giải quyết 1 trong 2 tình huống.	— HS đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp trong công việc của người lao động trong một số tình huống ở trang 71, SGK HĐTN, HN 12.

* Nhiệm vụ 2: Đề xuất cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp của nghề mà HS quan tâm.	— HS tự nghiên cứu cá nhân hai tình huống trong SGK. — Thảo luận nhóm đề xuất cách giải quyết thể hiện tính chuyên nghiệp trong mỗi tình huống. — Mỗi tình huống, GV mời 1 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến, nếu có cách giải quyết khác. — GV nhận xét về cách giải quyết của các nhóm và kết luận: <i>Tình huống 1:</i> Để đoàn khách du lịch có thể tiếp tục di chuyển đến tham quan một địa điểm khác được đúng giờ, trước khi khách tản đi mua sắm tự do, anh Nam cần: + Chọn nơi tập kết có nhiều điểm đặc biệt, dễ nhớ đối với khách du lịch và quy định thời gian mua sắm phù hợp với nhu cầu mua sắm của họ. + Phổ biến rõ với khách về quy định thời điểm cụ thể cần quay lại để đi tham quan tiếp và địa điểm tập kết. Yêu cầu khách quan sát kỹ địa điểm tập kết, có thể chụp ảnh để khỏi quên. + Lưu số điện thoại di động của các thành viên trong đoàn, nếu họ có dùng điện thoại di động. + Hướng dẫn khách không nên đi một mình mà nên đi theo nhóm để có thể hỗ trợ nhau khi cần thiết. Đồng thời lưu ý khách một số cách để liên lạc, tìm kiếm đoàn khi bị lạc. <i>Tình huống 2:</i> Trong tình huống này, để đảm bảo an toàn cho bạn Huy, cô Hà nên: + Hỏi kỹ Huy về nguyên nhân mâu thuẫn để có cách giải quyết phù hợp về lâu dài. + Không để Huy ra về một mình mà đưa Huy đến một địa điểm an toàn trong trường. + Báo ngay sự việc xảy ra với Hiệu trưởng và BGH. + Đồng thời có thể gọi điện cho cảnh sát địa phương đến can thiệp, nếu cần thiết. + Gọi điện thông báo với gia đình HS và mời họ đến để cùng đưa con về nhà cho an toàn. + Cùng phối hợp với lãnh đạo nhà trường, gia đình HS và HS để có cách giải quyết dứt điểm mâu thuẫn, tránh không để HS tiếp tục bị đe dọa, hành hung,...	— Trên cơ sở đó, đề xuất được biện pháp để rèn luyện tính chuyên nghiệp trong công việc của nghề mà các em quan tâm.
--	--	---

	– GV yêu cầu HS ghi kết luận nhiệm vụ 1 vào sách bài tập. * Nhiệm vụ 2: – GV yêu cầu HS dựa trên các biểu hiện của tính chuyên nghiệp và kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 để đề xuất cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp của nghề mà bản thân quan tâm. – GV hướng dẫn HS có thể trình bày kết quả làm việc theo gợi ý sau: + Nghề em quan tâm:... + Yêu cầu về tính chuyên nghiệp trong công việc: + Cách thức rèn luyện: + Thời gian thực hiện: – HS làm việc cá nhân: + Xác định một nghề mà bản thân hiện đang quan tâm nhất. + Xác định một số yêu cầu cụ thể về tính chuyên nghiệp đối với người lao động làm nghề đó. + Xác định cách thức rèn luyện của bản thân đối với các yêu cầu cụ thể đó. – HS chia sẻ kết quả theo cặp đôi. – GV mời một vài HS chia sẻ cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp của bản thân trước lớp. – GV nhận xét chung về cách thức rèn luyện tính chuyên nghiệp của HS, đồng thời lưu ý các em cần kiên trì, chịu khó học hỏi, rèn luyện để trở thành người lao động có tính chuyên nghiệp trong công việc.	
6. Đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. * Nhiệm vụ 1: Chỉ ra nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động trong một số trường hợp.	* Nhiệm vụ 1: – GV yêu cầu HS quan sát các tranh trong SGK và chỉ ra những nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động trong mỗi tranh. – HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp đôi. – Mỗi tranh, GV mời một vài HS lên trình bày nhận định của bản thân. – Cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến.	HS đề xuất được biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động trong các trường hợp ở trang 72, SGK HĐTN, HN 12.

* Nhiệm vụ 2: Đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động trong mỗi trường hợp.	– GV nhận xét về kết quả làm việc của HS và kết luận: <i>Tranh 1:</i> Các nữ công nhân may không đeo khẩu trang bảo hộ khi làm việc nên có nguy cơ bị bệnh về đường hô hấp do hít phải nhiều bụi vải. <i>Tranh 2:</i> Công nhân vệ sinh môi trường không đeo khẩu trang khi làm việc nên có thể bị bệnh về đường hô hấp do hít phải nhiều khí độc hại; không đeo găng tay dài nên có thể bị bệnh ngoài da, bị nhiễm trùng khi có vết thương hở do tiếp xúc với rác thải chứa nhiều vi trùng, vi khuẩn gây bệnh. <i>Tranh 3:</i> Công nhân xây dựng không đội mũ bảo hiểm và đeo dây an toàn có thể bị ngã từ trên cao, gây nguy hiểm cho tính mạng và sức khỏe. <i>Tranh 4:</i> Nông dân phun thuốc bảo vệ thực vật nhưng không đeo khẩu trang, không có kính bảo hiểm và không đi ủng theo đúng quy định nên có thể bị nhiễm độc, mắc các bệnh ung thư, đặc biệt là ung thư đường hô hấp (khối u ác tính ở đường hô hấp). * Nhiệm vụ 2: – GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm đôi, đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động trong mỗi trường hợp. – HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ được giao. – GV mời HS trình bày kết quả. – GV nhận xét kết quả làm việc của HS và kết luận: <i>Tranh 1:</i> Các nữ công nhân may cần đeo khẩu trang khi làm việc. <i>Tranh 2:</i> Công nhân vệ sinh môi trường cần đeo khẩu trang, đi găng tay bảo hộ đúng quy định khi làm việc. <i>Tranh 3:</i> Công nhân xây dựng cần đội mũ bảo hiểm, mặc quần áo bảo hộ và đeo dây an toàn khi làm việc trên cao. <i>Tranh 4:</i> Nông dân phun thuốc bảo vệ thực vật cần đeo khẩu trang, kính bảo hộ và đi ủng theo đúng quy định.	
--	--	--

7. Phân tích những yêu cầu đối với nghề trong xã hội hiện đại mà em quan tâm.	– GV giao nhiệm vụ cho HS: + Xác định 1 ngành nghề mà em quan tâm. + Phân tích xu hướng phát triển của ngành nghề đó trong xã hội hiện đại. + Phân tích các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, tính chuyên nghiệp và quy định về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp đối với ngành nghề đó. – HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao. – Chia sẻ kết quả theo cặp đôi. – GV mời một số HS trình bày trước lớp. – Cả lớp lắng nghe và bình luận. – GV nhận xét chung về kết quả thực hiện hoạt động của HS. – GV yêu cầu HS ghi kết quả hoạt động 7 vào SBT.	HS phân tích được xu hướng phát triển đối với nghề trong xã hội hiện đại mà bản thân quan tâm và những yêu cầu đối với nghề đó.
8. Thực hành phân tích thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.	– GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS thực hiện 1 trong các nhiệm vụ sau: + Thu thập và phân tích được thông tin cơ bản về thị trường lao động địa phương, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động địa phương. + Thu thập và phân tích được thông tin cơ bản về thị trường lao động trong nước, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động trong nước. + Thu thập và phân tích được thông tin cơ bản về thị trường lao động ở một vài quốc gia có nhu cầu tuyển dụng lao động Việt Nam, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động đó (Ví dụ: Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức, ...). – GV hướng dẫn HS về nội dung thông tin cần tìm hiểu và cách tìm hiểu thông tin. – Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. – Với mỗi nhiệm vụ, GV có thể yêu cầu 1 nhóm trình bày và các nhóm khác bổ sung ý kiến (nếu có). – GV nhận xét về kết quả phân tích thị trường lao động của các nhóm HS và nhấn mạnh việc phân tích thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động là một việc rất quan trọng trong quá trình định hướng nghề nghiệp của các em. – GV yêu cầu HS ghi kết quả hoạt động 8 vào SBT.	HS thu thập và phân tích được thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường địa phương/trong nước/một số quốc gia và vùng lãnh thổ có nhu cầu sử dụng lao động Việt Nam.

Vận dụng		
9. Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp.	– GV giao nhiệm vụ cho HS sau giờ học: + Lựa chọn một nghề và thực hiện trải nghiệm nghề đó. + Ghi chép lại những thông tin đã thu thập được khi trải nghiệm thực tế nghề nghiệp. + Báo cáo kết quả trải nghiệm thực tế nghề nghiệp. – GV hướng dẫn HS về những yêu cầu cần thực hiện: trước, trong khi đi trải nghiệm thực tế và cách viết báo cáo sau khi trải nghiệm theo gợi ý trong SGK trang 73 – 74. – HS thực hiện nhiệm vụ trải nghiệm thực tế nghề nghiệp theo các yêu cầu của GV.	HS trải nghiệm được thực tế nghề nghiệp tại một cơ sở ở địa phương.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả hoạt động vận dụng.	– HS báo cáo kết quả trải nghiệm thực tế nghề nghiệp trong nhóm. – GV mời một số HS trình bày kết quả trải nghiệm thực tế nghề nghiệp trước lớp. – Cả lớp lắng nghe và nhận xét, bình luận. – GV nhận xét về kết quả trải nghiệm thực tế nghề nghiệp của HS. Khen những HS đã có những thu hoạch tốt và động viên HS tiếp tục tích cực trải nghiệm thực tế nghề nghiệp để giúp bản thân định hướng nghề nghiệp có kết quả.	HS trình bày được kết quả trải nghiệm thực tế nghề nghiệp của bản thân trong nhóm/ trước lớp
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo 9 tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (1 tiết)

THI TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ NGHỀ CÓ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG XÃ HỘI

HIỆN ĐẠI

(Ví dụ minh họa)

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Thi tìm hiểu về một số nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại với những nội dung cụ thể sau: - Tên nghề? - Hoạt động đặc trưng? - Yêu cầu về phẩm chất, năng lực?	* Giai đoạn chuẩn bị: 1. GV chuẩn bị: - Xác định chủ đề, mục tiêu, nội dung cuộc thi và đặt tên cho cuộc thi. - Thiết kế nội dung, câu hỏi, đáp án, cách cho điểm, đánh giá và thể lệ thi. - Chuẩn bị địa điểm, phương tiện, kinh phí,... cho cuộc thi. - Xác định thời gian tổ chức cuộc thi, bao gồm cả thời điểm thông tin, tuyên truyền, phổ biến về cuộc thi cho HS; thời điểm thu bài thi, thời gian chấm bài dự thi và thời điểm tổ chức tổng kết và công bố kết quả cuộc thi. - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục đích, nội dung, thể lệ cuộc thi để HS nắm được. Đồng thời hướng dẫn, cung cấp cho HS các địa chỉ (tài liệu, báo cáo, trang web,...) để các em có thể lấy thông tin cần thiết phục vụ cho cuộc thi. - Thành lập Ban tổ chức và BGK chấm thi. Số lượng thành viên Ban tổ chức và BGK tùy thuộc vào quy mô tổ chức cuộc thi. - Họp BGK để thống nhất cách cho điểm, đánh giá các bài dự thi. - Làm phiếu tổng hợp điểm cho thư kí cuộc thi. - Giải thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao. 2. HS chuẩn bị: - Sưu tầm thông tin, tư liệu cần thiết để tham gia cuộc thi. - Đăng kí tham gia cuộc thi. * Giai đoạn tổ chức cuộc thi	- HS sưu tầm, tìm hiểu được thông tin, kiến thức về một số nghề có xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại. - Phát triển kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác.

	— HS làm bài thi viết theo các câu hỏi đã được phổ biến và gửi bài dự thi đến Ban tổ chức cuộc thi theo đúng quy định. — Ban tổ chức thu thập các bài thi và chuyển cho BGK. — BGK chấm thi và tổng hợp kết quả. * Giai đoạn tổng kết và đánh giá Việc tổng kết và đánh giá kết quả thi cần được tổ chức trang trọng. Việc tổng kết, đánh giá cần diễn ra như sau: — Đại diện Ban tổ chức tổng kết, đánh giá chung về kết quả cuộc thi. — Trường BGK công bố kết quả chấm thi. — Trao giải thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong cuộc thi. <i>Một số lưu ý:</i> — Việc tuyên truyền, phổ biến về mục đích, nội dung, thể lệ dự thi cần được thực hiện dưới nhiều hình thức (như: phổ biến trước toàn thể HS trong giờ chào cờ đầu tuần, dán thông báo trên bản tin của trường, gửi thông báo về các lớp, ...) để đảm bảo mọi HS đều được tiếp cận với cuộc thi. — Đồng thời với việc cung cấp cho HS các địa chỉ để các em có thể lấy thông tin cần thiết phục vụ cho việc viết bài dự thi, Ban tổ chức cũng có thể cung cấp cho HS một số trang thông tin có liên quan, nếu cần thiết. — Tổ chức cho HS viết bài dự thi theo cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ. — Thời gian từ lúc HS được phổ biến về cuộc thi đến thời điểm kết thúc việc thu bài dự thi diễn ra trong khoảng 1 tuần để HS có đủ thời gian để tìm kiếm thông tin và viết bài dự thi.	
--	---	--

CHỦ ĐỀ 9

(9 tiết)

RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC PHÙ HỢP VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 9

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Xác định những nhóm nghề/nghề phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân. 2. Tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề. 3. Tìm hiểu những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.
2, 3	2, 3, 4, 5, 6, 7 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghiệm/ Rèn luyện – Vận dụng	4. Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn. 5. Đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. 6. Rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. 7. Thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình. 8. Rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống để bước vào thế giới nghề nghiệp.
3	8 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/ đánh giá	10. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 11. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
3	9 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Tham gia trao đổi về tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân. — Giao lưu với chuyên gia tư vấn hướng nghiệp về các vấn đề: + Những yếu tố tác động đến xu thế phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. + Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của một số nghề trong xã hội hiện đại đối với người lao động. + Những yếu tố tác động đến nhu cầu chuyển đổi nghề của
			người lao động trong xã hội hiện đại. — Chơi trò chơi “Đoán tên nghề”. — ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

— Đánh giá được sự phù hợp của nghề với khả năng và sở thích của bản thân.

- Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với ngành, nghề lựa chọn.
- Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.
- Tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.

Góp phần phát triển:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc đề xuất những giải pháp để người lao động có thể chuyển đổi nghề trong một số tình huống.
- Năng lực đặc thù: Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo định hướng nghề nghiệp và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết; Năng lực hướng nghiệp thông qua việc xác định những nghề/nhóm nghề phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân.
- Phẩm chất: Có trách nhiệm với việc định hướng nghề nghiệp của bản thân và rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Xác định những nhóm nghề/nghề phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân. * Nhiệm vụ 1: Xác định được khả năng, sở thích của bản thân và tìm hiểu về sự cần thiết phải lựa chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân.	* Nhiệm vụ 1: – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân theo các câu hỏi: + Khả năng, sở thích của em là gì? + Vì sao cần phải lựa chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân? Hãy lấy ví dụ thực tế để chứng minh. + Có những cách nào để xác định những nghề/nhóm nghề phù hợp sở thích, khả năng của bản thân? – HS thực hiện nhiệm vụ theo các câu hỏi GV đã nêu.	HS xác định được những nghề/nhóm nghề phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân.
* Nhiệm vụ 2: Xác định những nhóm nghề/nghề phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân.	– GV mời một vài HS báo cáo kết quả. – GV tổng kết các ý kiến và kết luận: + Việc lựa chọn những nghề/nhóm nghề phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân là rất cần thiết, bởi vì: • Những người được làm công việc phù hợp với sở thích và khả năng của mình sẽ luôn có động lực làm việc; quan tâm, yêu thích và đam mê với công việc; luôn có cảm giác thoải mái và hạnh phúc trong công việc.	

- Những người được làm công việc phù hợp với khả năng của mình sẽ dễ dàng phát huy được thế mạnh của mình, luôn cảm thấy tự tin, thoải mái và thường đạt kết quả cao trong công việc. Ngược lại, nếu chọn công việc, nghề nghiệp mà bản thân hoàn toàn thiếu khả năng thì dù làm việc mất nhiều thời gian, nhiều công sức nhưng kết quả thực hiện công việc khó có thể đạt được như mong muốn, thậm chí có khi còn thất bại.

+ Có nhiều cách để xác định nhóm nghề/ngành phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân. Ví dụ như:

- Tự đánh giá khả năng và kết quả học tập các môn học của bản thân.

Muốn làm giỏi, làm thành thạo nghề gì cũng đòi hỏi phải có tri thức. Việc học tập các môn học ở trường phổ thông giúp các em có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản, nền tảng để tiếp tục học nghề, học chuyên môn. Tuy nhiên, mỗi lĩnh vực nghề nghiệp lại đòi hỏi phải có kiến thức, kỹ năng của một số môn học nhất định. Do vậy, việc tự đánh giá khả năng và kết quả học tập các môn học của bản thân là một cách hữu hiệu để em lựa chọn hướng đi và chọn nghề phù hợp với sở thích và khả năng của mình.

- Tham gia các hoạt động trải nghiệm có liên quan đến nghề nghiệp.

Chúng ta không thể biết rằng mình có thực sự thích hay có khả năng về một lĩnh vực hoạt động nào nếu không qua trải nghiệm thực tế. Vì vậy, để tự khám phá sở thích và khả năng của bản thân, em hãy tham

gia các hoạt động khác nhau ở nhà, ở trường và ở cộng đồng, như: hoạt động lao động; hoạt động văn hoá – nghệ thuật; hoạt động thể thao; hoạt động du lịch; hoạt động xã hội như đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ môi trường, phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội,... Trong và sau khi tham gia các hoạt động, em hãy cố gắng ghi lại những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân; kết quả, sản phẩm hoạt động em đã đạt được và những bài học kinh nghiệm về khả năng, về yêu cầu của nghề mà em rút ra được sau mỗi hoạt động.

- Làm bài tập trắc nghiệm.

Có nhiều loại trắc nghiệm khác nhau về sở thích, khả năng được giới thiệu trong các sách về hướng nghiệp hoặc trên mạng theo địa chỉ <http://www.huongnghiepviet.com>

Sau đây chúng ta sẽ thực hành khảo sát sở thích, khả năng của bản thân theo trắc nghiệm dựa trên lí thuyết mật mã Holland – Lí thuyết hướng nghiệp mang tên của John Holland, nhà Tâm lí học người Mỹ, người đầu tiên đã khởi xướng ra lí thuyết này.

* Nhiệm vụ 2:

- GV yêu cầu HS mở SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 12 và hướng dẫn HS cách làm Phiếu trắc nghiệm sở thích, khả năng nghề nghiệp, phần 1 theo Lí thuyết Holland.
- HS thực hành làm Phiếu trắc nghiệm phần 1 theo sự hướng dẫn của GV.
- Tính tổng điểm các em đạt được trong mỗi bảng A, B, C, D, E, G và ghi vào bảng tổng hợp sau trong SBT.
- HS chia sẻ trong nhóm về kết quả tổng điểm của bản thân đối với mỗi nhóm nghề.
- GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét chung về kết quả làm Phiếu trắc nghiệm phần 1 của HS.
- GV hướng dẫn HS làm Phiếu trắc nghiệm sở thích, khả năng nghề nghiệp, phần 2 trong SBT.
- HS ghi tên 2 nhóm nghề có số điểm cao nhất và cao thứ hai vào đầu Phiếu trắc nghiệm sở thích, khả năng nghề nghiệp, phần 2.

	— Gạch chân dưới tên những nghề mà bản thân thích trong các cột bên phải tương ứng với hai nhóm nghề đó. — Cân nhắc lí do vì sao mình lại thích, muốn lựa chọn mỗi nghề đó. Loại bỏ những nghề ra khỏi danh sách yêu thích, nếu không tìm ra được lí do xác đáng. — Ghi vào SBT những nghề mình yêu thích, muốn lựa chọn và lí do chọn nghề đó. — HS chia sẻ kết quả trong nhóm. — GV mời một vài HS lên trình bày kết quả trước lớp. — GV nhận xét chung về kết quả khảo sát của HS.	
2. Tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề. * Nhiệm vụ 1: Chỉ ra lí do chuyển đổi nghề của nhân vật trong một số trường hợp cụ thể. * Nhiệm vụ 2: Thảo luận, xác định một số yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề của người lao động trong xã hội hiện đại.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, chỉ ra lí do chuyển đổi nghề của nhân vật trong hai trường hợp trong SGK. — HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ được giao. — GV mời đại diện một nhóm trình bày lí do chuyển đổi nghề của nhân vật trong trường hợp 1; và đại diện một nhóm khác trình bày lí do chuyển đổi nghề của nhân vật trong trường hợp 2. — Thảo luận chung cả lớp. — GV nhận xét kết quả thảo luận của HS và kết luận: <i>Trường hợp 1:</i> Lí do người lao động phải chuyển đổi nghề là do hoàn cảnh gia đình. <i>Trường hợp 2:</i> Lí do người lao động phải chuyển đổi nghề là do sức khỏe giảm sút, không đáp ứng được yêu cầu công việc. * Nhiệm vụ 2: — GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, xác định một số yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề trong xã hội hiện đại. — Ghi kết quả ra giấy A0 dưới các hình thức tùy chọn: sơ đồ, sơ đồ tư duy, hình vẽ,... và trưng bày xung quanh tường lớp học (Kĩ thuật Phòng tranh). — HS thảo luận nhóm. — Ghi kết quả thảo luận ra giấy A0.	HS xác định được một số yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề của người lao động trong xã hội hiện đại.

	— Trưng bày kết quả thảo luận xung quanh lớp học. — Cả lớp cùng xem “triển lãm” kết quả thảo luận của các nhóm, ghi ý kiến bình luận, bổ sung, nếu có. — Thảo luận chung cả lớp. — GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm và kết luận: Việc chuyển đổi nghề của người lao động trong xã hội hiện đại thường do các nguyên nhân chủ yếu sau: + Yếu tố chủ quan: • Không đủ sức khoẻ để đáp ứng yêu cầu của nghề. • Không còn sự nhiệt huyết với nghề nghiệp hiện tại. • Bản thân không đáp ứng kịp với sự phát triển của nghề. • Muốn tìm kiếm một công việc được thoả sức sáng tạo hơn. • Mong muốn một công việc có thu nhập tốt hơn. • Mong muốn có cơ hội thăng tiến rõ ràng hơn. • Mong muốn được thay đổi, trải nghiệm nhiều công việc khác nhau. • ... + Yếu tố khách quan: • Nghề đang làm không còn khả năng phát triển. • Nghề đang làm phát triển quá nhanh về công nghệ, đòi hỏi nhiều phẩm chất, kỹ năng mới của người lao động. • Do hoàn cảnh gia đình. • ... — HS ghi kết luận của GV vào SBT.	
3. Tìm hiểu những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. * Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về trường hợp một người thành công hoặc đã thất bại khi chuyển đổi nghề.	* Nhiệm vụ 1: — GV yêu cầu HS: + Chia sẻ trong nhóm nhỏ về trường hợp một người thành công hoặc đã thất bại khi chuyển đổi nghề mà HS đã biết hoặc đã nghe kể. + Thảo luận phân tích những phẩm chất, năng lực của người đó liên quan đến việc thành công hay thất bại khi chuyển đổi nghề của họ.	HS xác định được những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.

* Nhiệm vụ 2: Xác định những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.	+ Chọn 1 – 2 trường hợp điển hình nhất để chia sẻ, phân tích trước lớp. – HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ được giao. – Đại diện các nhóm trình bày về 1 – 2 trường hợp điển hình nhất nhóm đã lựa chọn. – Thảo luận chung về lí do thành công hay thất bại khi chuyển đổi nghề liên quan đến phẩm chất và năng lực của người lao động trong mỗi trường hợp. – GV tổng kết các ý kiến và kết luận về những phẩm chất và năng lực của người lao động trong mỗi trường hợp dẫn đến sự thành công hay thất bại của người đó khi chuyển đổi nghề. Lưu ý: GV có thể cung cấp thêm 1 số ví dụ thực tế để HS rõ thêm. * Nhiệm vụ 2: – GV yêu cầu HS làm việc nhóm, dựa trên kết quả nhiệm vụ 1, khái quát về những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. – HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao. – Đại diện một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến. – GV nhận xét chung và kết luận: Để có thể thành công khi cần chuyển đổi nghề, người lao động cần có những phẩm chất và năng lực sau: + Phẩm chất: tự tin, chăm chỉ, kiên trì, vượt khó, cầu thị, ham học hỏi, ... + Năng lực: tự học, thích ứng, giải quyết vấn đề, năng động, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, tìm kiếm sự hỗ trợ từ những người tin cậy,...	
--	--	--

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
4. Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn.	– GV yêu cầu HS tìm hiểu các yêu cầu của nghề mà bản thân định lựa chọn (kết quả hoạt động 1) qua các tài liệu hướng nghiệp, qua phỏng vấn những người làm nghề đó,... So sánh các phẩm	HS xác định được những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân

	chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân với những yêu cầu đó xem những điểm nào là phù hợp, còn điểm nào chưa phù hợp và ghi kết quả vào SBT. — HS tiến hành tìm hiểu các yêu cầu của nghề mà bản thân định lựa chọn bằng các cách khác nhau. — HS so sánh các phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân với những yêu cầu đã tìm hiểu được của mỗi nghề định lựa chọn và đánh dấu vào những điểm phù hợp. — Tổng hợp và ghi kết quả vào SBT. — HS chia sẻ kết quả trong nhóm. — GV mời mỗi nhóm 1 – 2 HS báo cáo kết quả trước lớp. — GV nhận xét chung về kết quả tự đánh giá của HS và kết luận: Các em không nên lo lắng, bi quan nếu hiện tại bản thân chưa hội tụ đủ hết các yêu cầu của nghề định lựa chọn vì đó là điều hoàn toàn bình thường. Quan trọng là các em hãy quyết tâm, cố gắng học tập, rèn luyện để đạt được những yêu cầu đó trong thời gian sớm nhất.	phù hợp với nghề định lựa chọn.
5. Đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. * Nhiệm vụ 1: Xác định những phẩm chất, năng lực cần có của nhân vật trong mỗi trường hợp để có thể chuyển đổi nghề thành công. * Nhiệm vụ 2: Đánh giá sự phù hợp của phẩm chất, năng lực hiện có của bản thân so với những yêu cầu về phẩm chất, năng lực cần có của người lao động để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.	* Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS nghiên cứu 2 trường hợp trong SGK và thảo luận nhóm xác định những phẩm chất, năng lực, những việc nhân vật trong mỗi trường hợp cần làm để có thể chuyển đổi nghề thành công. — HS nghiên cứu cá nhân 2 trường hợp trong SGK. — Trao đổi, thảo luận trong nhóm. — GV mời đại diện một nhóm trình bày trường hợp 1, một nhóm khác trình bày trường hợp 2. — Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. — GV tổng kết các ý kiến của HS và kết luận: <i>Trường hợp 1:</i> Để có thể chuyển sang làm GV dạy múa cho thiếu nhi, Thủy Dung cần rèn luyện về: + Năng lực sư phạm, cụ thể là năng lực giao tiếp với trẻ em và phương pháp dạy múa cho trẻ em. + Phẩm chất kiên trì, trách nhiệm trong công tác dạy múa cho trẻ em.	HS xác định được những phẩm chất, năng lực bản thân cần rèn luyện để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.

	<i>Trường hợp 2:</i> Để có thể chuyển sang làm hướng dẫn viên du lịch, Đặng Nguyên cần rèn luyện về: + Năng lực giao tiếp với khách; năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh; năng lực lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cho các chuyến đi; kiến thức về lịch sử, văn hoá, kinh tế, xã hội của các vùng miền, địa phương, đất nước; khả năng thuyết trình; ... + Phẩm chất tự tin, trách nhiệm, quan tâm, chu đáo với khách hàng, ... – GV yêu cầu HS ghi kết quả thực hiện nhiệm vụ 1 vào SBT. * Nhiệm vụ 2: – GV yêu cầu HS so sánh, đối chiếu những yêu cầu về phẩm chất, năng lực cần có của người lao động để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết với những phẩm chất, năng lực hiện có của bản thân, từ đó xác định những điểm phù hợp và những điểm chưa phù hợp để có hướng rèn luyện. – HS làm việc cá nhân và ghi kết quả vào SBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm. – GV mời mỗi nhóm 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – GV nhận xét chung về kết quả tự đánh giá của HS và động viên các em không nên quá lo lắng, tự ti khi thấy bản thân còn phải rèn luyện thêm nhiều phẩm chất, năng lực cần thiết.	
6. Rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. * Nhiệm vụ 1: Lập kế hoạch để rèn luyện những phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề định lựa chọn và yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.	* Nhiệm vụ 1: – GV yêu cầu HS tham khảo gợi ý trong SGK, lập kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. – GV lưu ý HS cần đưa ra các biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và mang lại kết quả thiết thực. – HS thực hiện nhiệm vụ và ghi vào SBT. – HS chia sẻ kế hoạch rèn luyện trong nhóm.	HS lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.

* Nhiệm vụ 2: Rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo kế hoạch đã xây dựng.	— GV mời mỗi nhóm 1 HS chia sẻ kế hoạch trước lớp. — Cả lớp nhận xét, góp ý kế hoạch rèn luyện của các bạn. — GV nhận xét chung về kế hoạch rèn luyện của HS. * Nhiệm vụ 2: — GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện rèn luyện phẩm chất, năng lực theo kế hoạch đã lập. — Ghi lại kết quả rèn luyện bước đầu để báo cáo trong tổ, trước lớp. — HS thực hiện rèn luyện phẩm chất, năng lực theo kế hoạch đã lập và ghi lại kết quả rèn luyện bước đầu của bản thân. — HS báo cáo kết quả rèn luyện trong nhóm. — GV mời mỗi nhóm 1 – 2 HS báo cáo trước lớp. — GV nhận xét chung về kết quả rèn luyện bước đầu của HS và nhắc nhở các em cần kiên trì rèn luyện để phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.	
7. Thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.	— GV yêu cầu mỗi HS thiết kế một sản phẩm để giới thiệu về bản thân theo nội dung và hình thức đã gợi ý trong SGK. - Sau đó trưng bày, giới thiệu sản phẩm với các bạn một cách tự tin. — HS lựa chọn hình thức sản phẩm và tiến hành thiết kế sản phẩm. — HS triển lãm, giới thiệu sản phẩm theo vị trí GV đã phân công. — Cả lớp lần lượt quan sát và lắng nghe phần giới thiệu của các thành viên trong lớp. — GV tổ chức cho HS nhận xét, bình chọn sản phẩm ấn tượng nhất và người giới thiệu tự tin nhất.	HS thể hiện được sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình qua sản phẩm thiết kế và cách giới thiệu sản phẩm.
Vận dụng		
8. Rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống để bước vào thế giới nghề nghiệp.	— GV hướng dẫn và yêu cầu từng HS về nhà: + Tiếp tục rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống theo kế hoạch đã lập.	HS thường xuyên rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống

	+ Viết báo cáo, ghi lại kết quả, cảm xúc của em và những khó khăn, thách thức mà em đã gặp phải trong quá trình rèn luyện. + Báo cáo kết quả rèn luyện của em với bạn bè, thầy, cô giáo, người thân trong gia đình và tìm kiếm sự hỗ trợ của mọi người khi cần thiết. – HS thực hiện các nhiệm vụ được giao và ghi kết quả vào SBT.	hàng ngày để tự tin, vững vàng bước vào thế giới nghề nghiệp.
--	---	---

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả hoạt động vận dụng.	– HS chia sẻ kết quả rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong nhóm. – GV mời một số HS chia sẻ kết quả rèn luyện trước lớp. – GV nhận xét về kết quả rèn luyện của HS và lưu ý HS một số biện pháp để vượt qua khó khăn trong quá trình rèn luyện.	HS chia sẻ cởi mở và trung thực về kết quả rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân trong nhóm/trước lớp.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo 9 tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt. – HS tự đánh giá cá nhân. – HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. – GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS để đưa ra đánh giá cuối cùng.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (1 tiết)

CHƠI TRÒ CHƠI “ĐOÁN TÊN NGHỀ”

(Ví dụ minh họa)

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Các đội chơi/người chơi phải đoán đúng tên nghề khi được cung cấp một vài thông tin về đặc điểm và yêu cầu	– Chia những người tham gia chơi thành 3 – 4 đội chơi, mỗi đội khoảng 5 – 6 người. – Quản trò lần lượt nêu 4 – 5 đặc điểm và yêu cầu về phẩm chất, năng lực, sức khỏe đối với người lao	HS biết được đặc trưng của nghề và yêu cầu về phẩm chất, năng lực, sức khỏe đối với

về phẩm chất, năng lực, sức khoẻ đối với người lao động làm nghề đó.	động làm một nghề nào đó trong xã hội hiện đại. Ví dụ: Hãy đoán tên nghề mà đòi hỏi người làm nghề đó phải: + Đi nhiều nơi. + Tiếp xúc với nhiều người. + Có hiểu biết về một số nét văn hoá, kinh tế, xã hội đặc trưng của những vùng đất sẽ đến. + Có kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình. + Có năng lực độc lập giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc. – Sau thời gian khoảng 30 giây hội ý, các đội chơi phải viết tên nghề có những đặc điểm đó ra bảng đen và giơ lên. – Sau mỗi câu hỏi, BGK sẽ cho điểm mỗi đội. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm. – Kết thúc cuộc chơi, BGK sẽ công bố tổng số điểm của mỗi đội. Đội có tổng số điểm cao nhất là đội thắng cuộc.	người lao động làm một số nghề trong xã hội hiện đại.
---	--	--

CHỦ ĐỀ 10

(12 tiết)

QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP VÀ CHUẨN BỊ TÂM LÝ THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG MỚI

GỢI Ý PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHO CHỦ ĐỀ 10

Tuần	Tiết	Cấu trúc	Hoạt động
1	1, 2 (Quy mô lớp)	1. Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm/ Khám phá – Kết nối	1. Tìm hiểu cách thức chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai. 2. Tìm hiểu về tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. 3. Tìm hiểu về bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.

2 – 3	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Quy mô lớp)	2. Thực hành – Trải nghệ/ Rèn luyện – Vận dụng	4. Phân tích và xử lí các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. 5. Thể hiện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. 6. Quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân. 7. Thể hiện bản lĩnh, đam mê theo đuổi nghề yêu thích. 8. Trải nghiệm thực tế và chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai.
4	10 (Quy mô lớp)	3. Báo cáo/thảo luận/đánh giá	9. Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng. 10. Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề.
4	11, 12 (Quy mô trường/ khối lớp)		Gợi ý một số hoạt động: — Toạ đàm, trao đổi cùng chuyên gia về việc phân tích và xử lí các thông tin nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và quyết định chọn nghề phù hợp. — Toạ đàm về quyết định chọn trường, chọn ngành học, chọn nghề phù hợp với bản thân. — Giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về chuẩn bị tâm lí thích ứng, tâm thế sẵn sàng và thể hiện bản lĩnh trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích. — ...

MỤC TIÊU

Sau chủ đề này, HS có khả năng:

- Phân tích và xử lí được các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.
- Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia làm cơ sở cho việc chọn hướng học tập nghề nghiệp.
- Đưa ra được các quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề hoặc lựa chọn được ngành học, trường học và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai.
- Có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.
- Thể hiện được bản lĩnh của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.

Góp phần phát triển

- Năng lực chung: Năng lực hợp tác trong công việc, giải quyết vấn đề nảy sinh, kĩ năng giao tiếp qua tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia về việc chọn hướng học tập, chọn nghề của bản thân.

– Năng lực đặc thù: Năng lực định hướng nghề nghiệp thông qua việc đưa ra quyết định lựa chọn ngành học, trường học, chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân và chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai và tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.

– Phẩm chất trách nhiệm thông qua quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân, các hoạt động thực hiện việc học tập, rèn luyện để chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp và thể hiện đam mê theo đuổi nghề nghiệp.

I. TÌM HIỂU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TRẢI NGHIỆM/KHÁM PHÁ – KẾT NỐI

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Phân tích các trường hợp cụ thể để rút ra cách chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai trong và chia sẻ những trường hợp đã biết. Trên cơ sở đó thảo luận về những việc HS cần làm để chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường học tập và làm	– GV yêu cầu HS phân tích cách thức chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai của bạn Nhật Linh (trường hợp 1) và bạn Hoàng Hải (trường hợp 2) trong SGK (tham khảo SGK). – GV tiếp tục yêu cầu HS nhớ lại những trường hợp đã biết chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai để chia sẻ. – GV yêu cầu từng nhóm dựa trên những gợi ý trong SGK thảo luận, xác định bổ sung những việc	Những việc HS cần làm để chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường học tập và làm việc trong tương lai (SGV).
việc trong tương lai.	- HS cần làm để chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường học tập và làm việc trong tương lai. – Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận bổ sung. – GV khái quát, bổ sung và kết luận.	

2. Chia sẻ về các biểu hiện của tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và thảo luận xác định những việc HS cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.	– GV yêu cầu HS dựa vào các gợi ý trong SGK, suy nghĩ và bổ sung các biểu hiện của tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. – GV cùng HS phân tích và rút ra kết luận. – GV tiếp tục yêu cầu HS dựa vào các gợi ý trong SGK, thảo luận nhóm để xác định những việc HS cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. – Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhóm sau chỉ bổ sung những ý kiến khác những nhóm trước. – GV cùng HS phân tích, tổng hợp ý kiến của các nhóm và kết luận.	– Các biểu hiện của tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội (SGV). – Những việc HS cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội (SGV).
3. Nhận diện những biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích và thảo luận về biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp của Hương trong SGK để chỉ ra những biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích của bạn. Đồng thời chia sẻ những trường hợp thể hiện bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích mà em biết. – GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến. – GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bổ sung những biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích dựa vào những gợi ý trong SGK và báo cáo. – GV nhận xét, đánh giá và kết luận.	Những biểu hiện của bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích (SGV).

II. THỰC HÀNH – TRẢI NGHIỆM/RÈN LUYỆN – VẬN DỤNG

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
Rèn luyện		
4. HS rèn luyện kỹ năng phân tích và xử lý các thông tin	– GV yêu cầu mỗi nhóm thảo luận xác định cách giải quyết một trong số các trường hợp trong SGK.	HS phân tích và xử lý được các thông tin nghề

nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp qua một số tình huống.	– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, bổ sung về phân tích, xử lý thông tin nghề nghiệp và báo cáo. – GV tiếp tục yêu cầu cả lớp thảo luận, khái quát hoá cách phân tích và xử lý các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.	nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trong một số tình huống.
5. HS rèn luyện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, thảo luận xác định cách giải quyết một trong số các tình huống trong SGK, sau đó sắm vai thể hiện những việc cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp. – Các nhóm trình bày kết quả thảo luận và sắm vai thể hiện cách giải quyết của nhóm. – GV phân tích, bổ sung (nếu cần) và chốt lại. – GV yêu cầu HS chia sẻ những việc em cần làm để chuẩn bị tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp.	– Cách xử lý phù hợp thể hiện những việc cần làm để có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội (SGV). – Từng HS tự rút ra được những việc bản thân cần làm để chuẩn bị tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp (SGV).
6. HS rèn luyện kỹ năng quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường và xác định được những biện pháp học tập, rèn luyện theo quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân.	– GV yêu cầu từng HS tham khảo ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè, chuyên gia theo gợi ý trong SGK. Đồng thời, lưu ý HS những điều cần tập trung khi báo cáo kết quả. – GV tổng kết và lưu ý HS khi tham khảo ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè, chuyên gia về việc chọn hướng học tập, chọn nghề. – GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận nhóm xác định những khó khăn, thách thức, rào cản có thể đối mặt khi thực hiện quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường theo gợi ý trong SGK. – Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận. – GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và chốt lại. – GV yêu cầu HS dựa trên ý kiến tham vấn, sở trường và nguyện vọng, những thách thức để ra quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân. – GV yêu cầu HS chia sẻ trước lớp về quyết định chọn nghề.	– Một số lưu ý khi tham khảo ý kiến của gia đình, thầy cô, bạn bè, chuyên gia về việc chọn hướng học tập, chọn nghề. – Những khó khăn, thách thức, rào cản HS có thể đối mặt khi thực hiện quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường. – Từng HS quyết định chọn được nghề, chọn ngành học, chọn trường. – Cách ra quyết định lựa chọn nghề (SGV).

	– GV nhận xét, đánh giá và kết luận về cách ra quyết định chọn nghề, chọn ngành học phù hợp. – GV yêu cầu HS tham khảo theo gợi ý trong SGK để xác định biện pháp học tập, rèn luyện theo quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường phù hợp với bản thân và báo cáo. – GV động viên HS thực hiện nghiêm túc các biện pháp đã xác định.	– Từng HS có các biện pháp học tập và rèn luyện phù hợp đáp ứng yêu cầu với ngành, nghề lựa chọn. – Các nhóm biện pháp học tập và rèn luyện (SGV).
7. Rèn luyện bản lĩnh, đam mê theo đuổi nghề yêu thích thông qua giải quyết tình huống.	– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm xác định và phân công sắm vai thể hiện cách giải quyết các tình huống trong SGK. – Từng nhóm thể hiện cách xử lý tình huống của nhóm mình qua sắm vai. – GV cùng HS phân tích, nhận xét, kết luận về cách giải quyết phù hợp của từng tình huống.	Cách giải quyết phù hợp của từng tình huống (SGV).
Vận dụng		
8. Trải nghiệm thực tế và chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai.	– Yêu cầu và hướng dẫn HS xác định một cơ sở nghề nghiệp mà em định lựa chọn và xây dựng kế hoạch trải nghiệm theo gợi ý trong SGK. – Yêu cầu và hướng dẫn HS thực hiện trải nghiệm nghề theo kế hoạch đã xây dựng. – Ghi lại kết quả trải nghiệm và viết báo cáo, thu hoạch sau trải nghiệm về chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai.	– Kế hoạch trải nghiệm tại một cơ sở nghề nghiệp. – Báo cáo thu hoạch sau trải nghiệm về chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai.

III. BÁO CÁO/THẢO LUẬN/ĐÁNH GIÁ

NỘI DUNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC	KẾT QUẢ/ SẢN PHẨM
1. Báo cáo kết quả vận dụng.	– HS trình bày báo cáo, thu hoạch sau trải nghiệm về chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai. – Chia sẻ cảm xúc, bài học kinh nghiệm theo quy mô tổ, lớp.	Sự thay đổi về chuẩn bị tâm thế bước vào nghề nghiệp tương lai.
2. Đánh giá cuối chủ đề.	– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK và cách đánh giá xếp loại đạt/chưa đạt.	HS đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân sau chủ đề.

	— HS tự đánh giá cá nhân. — HS đánh giá đồng đẳng trong nhóm. — GV tổng hợp kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS và nhận xét của cha mẹ HS cùng cộng đồng địa phương để đưa ra đánh giá cuối cùng.	
--	--	--

TỔ CHỨC THEO QUY MÔ TRƯỜNG (2 tiết)

TOA ĐÀM, TRAO ĐỔI CÙNG CHUYÊN GIA VỀ VIỆC PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ CÁC THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP

(Ví dụ minh họa)

1. Nội dung	2. Cách thức tổ chức	3. Kết quả/sản phẩm
Mục tiêu: HS được trao đổi cùng chuyên gia và được giải đáp các băn khoăn về việc phân tích và xử lý các thông tin nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và quyết định chọn nghề phù hợp. Đối tượng tham gia: HS lớp 12 hoặc tất cả HS các khối 10, 11, 12 trong trường.	GV chuẩn bị: — Thành lập Ban tổ chức: Đại diện BGH nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, GV tổ chức chủ đề, đại diện HS khối 12. — Phân công người liên hệ mời các chuyên gia hướng nghiệp. — Thông báo về buổi toạ đàm, trao đổi cùng chuyên gia tới HS các lớp 12. Đề nghị các lớp gửi câu hỏi băn khoăn về việc phân tích và xử lý các thông tin nghề nghiệp của các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và quyết định chọn nghề phù hợp để ban tổ chức tập hợp và trao đổi trước với chuyên gia. — Phân công lớp chuẩn bị các tiết mục văn nghệ, cử một HS là NDCT. — Chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho buổi toạ đàm như: bàn ghế, loa đài, micro,... và quà tặng lưu niệm cho chuyên gia. HS chuẩn bị: — Một số tiết mục văn nghệ theo sự phân công của GV. — Những câu hỏi băn khoăn về việc phân tích và xử lý thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và quyết định chọn nghề phù hợp.	— HS có thêm kinh nghiệm phân tích và xử lý các thông tin nghề nghiệp của các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. — HS trong toàn trường học được kinh nghiệm, ra quyết định lựa chọn nghề phù hợp.

	<i>Tiến trình tổ chức:</i> – NDCT tuyên bố lí do, giới thiệu đại diện nhà trường và khách mời là những chuyên gia hướng nghiệp. – HS của các lớp khối 12 sẽ lần lượt nêu ra những câu hỏi, băn khoăn về: + Phân tích và xử lí các thông tin nghề nghiệp. + Thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. + Quyết định chọn ngành, nghề, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. – Chuyên gia lần lượt giải đáp thắc mắc của HS. – NDCT khuyến khích các bạn nêu hết những điều mình muốn hỏi và chia sẻ thu hoạch, cảm xúc của bản thân. – Trong quá trình tọa đàm có xen kẽ các tiết mục văn nghệ để tăng thêm sự hứng thú, lôi cuốn. – GV thay mặt ban tổ chức khái quát lại các vấn đề quan trọng gắn với nội dung buổi tọa đàm. – Kết thúc buổi tọa đàm: Đại diện BGH nhà trường cảm ơn chuyên gia và tặng quà lưu niệm. <i>Đánh giá, rút kinh nghiệm sau triển lãm:</i> – Phỏng vấn HS về những điều mà các em thu hoạch được sau khi giao lưu. – Rút kinh nghiệm: Khẳng định những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm để lần sau tổ chức thành công hơn.	
--	---	--

GỢI Ý CÁC ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I

(Tuần 1 – Tuần 8)

Thời gian: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

Đánh giá các năng lực sau của HS:

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, thể hiện ở kĩ năng lựa chọn và thực hiện cách giải quyết vấn đề phù hợp trong các tình huống đã cho.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, thể hiện ở kĩ năng nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan

hệ với bạn bè ở trường (chủ đề 1).

– Năng lực thích ứng với cuộc sống, thể hiện ở kỹ năng điều chỉnh bản thân để thích ứng được với sự thay đổi (chủ đề 2).

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Bài thực hành theo nhóm.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ/ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Nhóm em hãy bốc thăm và thảo luận đề xuất cách ứng xử phù hợp trong tình huống mà nhóm nhận được. Sau đó phân công và sắm vai thể hiện cách ứng xử mà nhóm đã xác định.

Thời gian thảo luận và sắm vai cho mỗi nhóm là 10 phút.

Tình huống 1:

Đam mê chụp ảnh phong cảnh nên Ngọc rủ các bạn có cùng sở thích lập nhóm tìm hiểu về nghệ thuật chụp ảnh, chia sẻ và trao đổi những bức ảnh đã chụp. Một lần, Ngọc nhìn thấy những bức ảnh chụp phong cảnh rất đẹp tại một cuộc triển lãm ở trường. Qua tìm hiểu, Ngọc biết được tác giả của bức ảnh đó là một bạn học ở lớp khác trong trường mà Ngọc không quen biết.

Nếu là Ngọc, em sẽ làm gì để làm quen, kết bạn và mời bạn tham gia nhóm chụp ảnh của mình?

Tình huống 2:

Quân được các bạn trong lớp bầu làm Trưởng ban truyền thông của lớp, chuyên lo tổ chức các sự kiện giới thiệu hình ảnh của lớp trong và ngoài trường. Quân rất lo lắng vì lớp 12 cần tập trung cho học tập nhiều hơn, nhưng vì các bạn tín nhiệm nên không thể từ chối.

Nếu là Quân, em sẽ làm gì để thích ứng với vai trò mới, nhiệm vụ mới?

IV. YÊU CẦU:

1. Xác định được cách ứng xử phù hợp với tình huống, cụ thể

Gợi ý đáp án:

Tình huống 1. Ngọc nên:

- Hỏi bạn về bức ảnh đã chụp, thể hiện sự tán phục và cảm xúc thích thú về nghệ thuật chụp ảnh của bạn.
- Trao đổi về nghệ thuật chụp ảnh.
- Chia sẻ sự giống nhau về sở thích chụp ảnh.
- Giới thiệu làm quen với nhóm chụp ảnh.
- Chia sẻ những bức ảnh của nhóm và trao đổi ý kiến.
- Mời bạn tham gia nhóm chụp ảnh.

Tình huống 2. Quân nên:

- Chia sẻ lo lắng về trách nhiệm công việc với thầy, cô giáo và các bạn trong lớp, đề nghị được hỗ trợ, giúp đỡ.

- Sắp xếp công việc hợp lí để vừa học tốt mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ của ban truyền thông.
- Tự tìm đọc các tài liệu liên quan để hiểu về nội dung công việc cần thực hiện với vai trò Trưởng ban truyền thông.
- Xây dựng nội dung hoạt động truyền thông, trao đổi xin ý kiến của Ban cán sự lớp, của GVCN.
- Lập kế hoạch hoạt động, phân công công việc cho thành viên Ban truyền thông của lớp.
- Hợp Ban truyền thông, thống nhất kế hoạch và tiến hành thực hiện hoạt động

Lưu ý: HS có thể có cách ứng xử khác nếu phù hợp với tình huống thì vẫn được chấp nhận

2. Sắm vai thể hiện rõ ràng cách ứng xử phù hợp bằng hành vi, lời nói, cử chỉ, điệu bộ
3. Đảm bảo sự tham gia, hợp tác của mọi thành viên trong nhóm
4. Đảm bảo thời gian thảo luận và sắm vai

V. ĐÁNH GIÁ

	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1.	Xác định được vấn đề, thách thức cần giải quyết.		
2.	Đề xuất được cách giải quyết/ứng xử phù hợp.		
3.	Thể hiện được cách giải quyết/ứng xử phù hợp/ Sắm vai		
	thể hiện rõ ràng cách ứng xử phù hợp bằng hành vi, lời nói, cử chỉ, điệu bộ.		
4	Đảm bảo sự tham gia, hợp tác của mọi thành viên trong nhóm trong quá trình thảo luận, sắm vai		
5	Đảm bảo thời gian thảo luận và sắm vai không quá 10 phút.		

Đạt: Phải đạt các yêu cầu 1, 2 và 3.

I. MỤC TIÊU

ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I

(Tuần 9 – Tuần 18)

Thời gian: 1 tuần

Kết quả HS đạt được những mục tiêu cơ bản của chủ đề “Hoàn thiện bản thân”, “Trách nhiệm với gia đình” và “Xây dựng cộng đồng” thông qua sản phẩm của bản thân sau khi trải nghiệm, vận dụng các chủ đề này.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Báo cáo kết quả trải nghiệm, vận dụng bằng sản phẩm cá nhân thể hiện những kết quả cơ bản của mình. Hình thức của sản phẩm có thể là:

- Video
- Bài viết (dưới dạng file word hoặc powerpoint) kết hợp với hình ảnh, minh chứng.
- ...

HS được chuẩn bị sản phẩm trong 1 tuần.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ/ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Em hãy tạo sản phẩm dưới dạng video hoặc bài viết (dưới dạng file word hoặc powerpoint) kết hợp với hình ảnh, minh chứng thể hiện những kết quả cơ bản của bản thân về:

1. Sự thay đổi của bản thân sau khi tự hoàn thiện (Ví dụ: Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết; điều chỉnh được cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau; có kế hoạch phát triển tài chính của bản thân,...).
2. Thực hiện trách nhiệm của người con trong gia đình (Ví dụ: Tổ chức đời sống tinh thần, vật chất cùng những người thân trong gia đình như tổ chức sinh nhật của người thân, kỉ niệm ngày cưới của bố mẹ, lập kế hoạch chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình; chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình; phân tích được ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình mình và điều chỉnh nếu chưa phù hợp).
3. Tham gia hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sống; sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng.

IV. YÊU CẦU

Sản phẩm là bài viết kết hợp với hình ảnh hoặc video,... trong đó:

1. Mô tả/nêu được sự thay đổi của bản thân sau khi tự hoàn thiện.
2. Mô tả/nêu được các việc làm, hành động thực hiện trách nhiệm của người con trong gia đình.
3. Mô tả/nêu được hoạt động chia sẻ, giúp đỡ, xây dựng cộng đồng mà em đã tham gia.

Sản phẩm đảm bảo tính hệ thống, cách diễn đạt rõ ràng/có minh chứng, dễ hiểu.

V. ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Mô tả/nêu được sự thay đổi của bản thân sau khi tự hoàn thiện.		
2	Mô tả/nêu được các việc làm, hành động thực hiện trách nhiệm của người con trong gia đình.		

3	Mô tả/nêu được hoạt động chia sẻ, giúp đỡ, hoặc xây dựng cộng đồng mà em đã tham gia.		
4	Hoạt động, việc làm được trình bày cụ thể, có minh chứng.		
5	Đảm bảo tính hệ thống, cách diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.		

Xếp loại Đạt: HS đạt được các tiêu chí 1, 2, 3, 4.

ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II

(Tuần 19 – Tuần 25)

Thời gian: 1 tuần

I. MỤC TIÊU

Đánh giá các năng lực sau của HS:

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch hoạt động tuyên truyền trước lớp về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương/về các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác với các bạn trong nhóm khi thực hiện hoạt động thuyết trình.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Bài thực hành theo nhóm.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ/ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Em hãy cùng các bạn trong nhóm thiết kế kế hoạch và thực hiện hoạt động tuyên truyền trước lớp dưới hình thức thuyết trình về một trong hai chủ đề dưới đây:

Chủ đề 1. Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

Chủ đề 2. Các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương.

Hoặc em và các bạn cùng quan tâm đến một nghề, hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện tính chuyên nghiệp của nghề đó.

IV. YÊU CẦU:

- Về xây dựng kế hoạch tuyên truyền:
 - Kế hoạch hoạt động phải xác định đủ và rõ: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, thời gian, phương tiện cần thiết cho hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.
 - Lưu ý: Thời gian tuyên truyền khoảng 5 phút/nhóm.
- Về thực hiện hoạt động thuyết trình:
 - Nội dung thuyết trình:

Đối với Chủ đề 1:

- + Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên.
- + Trách nhiệm của HS trong việc chung tay giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

Đối với Chủ đề 2:

- + Tầm quan trọng của thế giới động, thực vật với con người và sự sống trên Trái đất.
- + Biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.
- Cách thuyết trình:
 - + 2 – 3 HS trong nhóm thực hiện, mỗi bạn sẽ thuyết trình một đoạn, nối tiếp nhau.
 - + Lời nói khi thuyết trình phải rõ ràng, mạch lạc, thuyết phục, hấp dẫn người nghe.
 - + Có sự kết hợp giữa lời nói với ngôn ngữ cơ thể khi thuyết trình.
 - + Có sử dụng thêm tranh ảnh/clip minh họa trong khi thuyết trình.
 - + Có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong quá trình xây dựng kế hoạch và thực hiện thuyết trình.
 - + Đảm bảo thời gian quy định.

Đối với kế hoạch rèn luyện tính chuyên nghiệp của nghề quan tâm

- Phải xác định được các biểu hiện về tính chuyên nghiệp của nghề.
- Phải xác định được các biện pháp/cách thức rèn luyện.
- Xác định được thời gian thực hiện.
- Xác định được kết quả mong đợi.
- Có minh chứng về hoạt động thực hiện kế hoạch hoặc kết quả.

V. ĐÁNH GIÁ**1. Đối với kế hoạch tuyên truyền**

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Kế hoạch có đủ các mục quy định.		
2	Các mục trong kế hoạch được xác định cụ thể, rõ ràng và khả thi.		
3	Nội dung thuyết trình: phải nêu được đủ các nội dung theo yêu cầu.		
4	Phần thuyết trình có sự tham gia của 2 – 3 thành viên trong nhóm.		
5	Lời nói khi thuyết trình phải rõ ràng, mạch lạc, thuyết phục, hấp dẫn người nghe.		
6	Có sự kết hợp giữa lời nói với ngôn ngữ cơ thể khi thuyết trình.		

7	Có sử dụng thêm tranh ảnh/clip minh họa trong khi thuyết trình.		
8	Có sự hợp tác, phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong quá trình xây dựng kế hoạch và thực hiện thuyết trình.		
9	Đảm bảo thời gian quy định.		

Xếp loại Đạt: HS đạt được từ 5 chỉ báo trở lên.

2. Đối với kế hoạch rèn luyện

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Xác định được các biểu hiện về tính chuyên nghiệp của nghề.		
2	Xác định được các biện pháp/cách thức rèn luyện.		

3	Xác định được thời gian thực hiện.		
4	Xác định được kết quả mong đợi của từng biện pháp.		
5	Có minh chứng về hoạt động thực hiện kế hoạch hoặc kết quả.		
6	Thể hiện được sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.		

Xếp loại Đạt: HS đạt được từ 4 chỉ báo trở lên.

ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II

(Tuần 26 – Tuần 34)

Thời gian: 1 tuần

I. MỤC TIÊU

Đánh giá các năng lực hướng nghiệp của HS qua trải nghiệm các chủ đề “Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp”; “Quyết định lựa chọn nghề phù hợp và chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường mới”.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Bài thực hành

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ/ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Em hãy thiết kế kế hoạch và thực hiện kế hoạch về 1 trong 2 nội dung sau đây:

1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp theo quyết định nghề lựa chọn.
2. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch theo đuổi đam mê nghề mà mình lựa chọn và có tâm lý thích ứng, tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp.

Sản phẩm thể hiện dưới dạng bài viết (dạng file word hoặc file powerpoint) kết hợp với hình ảnh, minh chứng.

IV. YÊU CẦU

1. Về kế hoạch và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp theo quyết định nghề lựa chọn cần có các nội dung cụ thể như sau:
 - Mục tiêu: Hướng vào bổ sung những năng lực, phẩm chất phù hợp với nghề mà mình lựa chọn.
 - Biện pháp: Phù hợp với mục tiêu và đặc điểm hoàn cảnh của cá nhân, mang tính khả thi.
 - Phân bổ thời gian thực hiện hợp lý.

- Điều kiện thực hiện phải phù hợp với thực tế.
- Kết quả dự kiến/mong đợi: Phù hợp với mục tiêu đặt ra.
- Có minh chứng về hoạt động thực hiện kế hoạch hoặc kết quả.

2. Về kế hoạch và thực hiện kế hoạch theo đuổi đam mê nghề yêu thích và chuẩn bị tâm lí thích ứng, tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp cần có các nội dung cụ thể như sau:

- Mục tiêu: Khắc phục được các rào cản theo đuổi nghề (nếu có) và chuẩn bị được tâm lí thích ứng với môi trường học tập mới, tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp.
- Biện pháp: Hướng đến khắc phục rào cản theo đuổi nghề, đồng thời chuẩn bị được tâm lí thích ứng và tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp.
- Xác định thời gian thực hiện hợp lí.
- Điều kiện thực hiện phải phù hợp với thực tế.
- Kết quả dự kiến: Phù hợp với mục tiêu.
- Có minh chứng về hoạt động thực hiện kế hoạch hoặc kết quả.

V. ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Bản kế hoạch có đầy đủ các nội dung như đã gợi ý và đảm bảo sự phù hợp giữa mục tiêu, biện pháp, thời gian thực hiện, kết quả mong đợi.		
2	Mục tiêu của kế hoạch thể hiện rõ những năng lực, phẩm chất phù hợp với nghề.		
3	Biện pháp đảm bảo đạt được mục tiêu và mang tính khả thi.		
4	Thời gian thực hiện phù hợp để có thể đạt mục tiêu.		
5	Kết quả mong đợi cụ thể và phù hợp với mục tiêu.		
6	Có minh chứng về hoạt động thực hiện kế hoạch hoặc kết quả.		

Xếp loại Đạt: HS đạt được từ 4 tiêu chí trở lên, trong đó bắt buộc phải đạt tiêu chí 1 và 6.